

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
THIỆN QUANG

TỰ THẮP ĐUỐC MÀ ĐI

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà xuất bản TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN
San Martin, California, USA
Vía Đức Quan Âm 19-9 Giáp Ngọ (2014)



Kính nguyện hồi hương cho âm siêu dương thới,
quốc thái dân an, đạo pháp trường lưu,
chánh giáo hoàng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bỉ ngạn.

Có sáng danh đạo, người đời nhìn vào kính nể
để bắt chước làm theo. Đức QUAN ÂM BỒ TÁT.
Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970)



MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TÔNG MIẾU)
82 Cao Thắng, quận 3, Sài Gòn.



... chứ hẳn phải tự thấp
đuốc mà đi, tự gấn bó
với trách nhiệm, phải
tha thiết tư duy về cơ
cứu độ, phải thanh tịnh
trước diễn biến của
hoàn cảnh. Thanh tịnh
mới huệ sanh mà khỏi
lầm đường lạc nẻo.

Đức LÝ GIÁO TÔNG

Cơ Quan PTGLĐĐ

29-12 Mậu Ngọ

Lý Bạch.

Tranh thủy mặc
(81,1 x 30,5 cm).

Họa gia:

Lương Khải 梁楷
(khoảng 1140-1210),
đời Tống (960-1279).

Trưng bày:

Bảo Tàng Quốc Gia
Đông Kinh (Tokyo
National Museum).

Từ đây sắp đến, chư đệ muội phải tự thấp đuốc mà đi.
Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO.
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Đinh Tỵ.



Đến lúc phải đem sức người ra mà dùng, thì hãy cố nhẫn
nhục chế ngự hoàn cảnh đi. Đức QUAN ÂM BỒ TÁT.

Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970)



MỤC LỤC

Giao cảm 8

1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI 10

2. LÀM THẾ NÀO ĐỂ KHAI MINH ĐƯỢC ĐẠI ĐẠO? 41

3. MÙA XUÂN TRONG THẾ NHÂN HÒA 47

4. BẢN HỢP XƯỚNG GIỮA XUÂN TÂM VÀ XUÂN CẢNH 72

5. NIỀM VUI THEO QUAN NIỆM ĐẠO CAO ĐÀI 99

GIAO CẢM

Trong Nhì Kỳ Phổ Độ, Đức Giêsu dạy các Thánh tông đồ (Matthêu 5:14): “Chính anh em là ánh sáng cho trần gian.”

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, những người con áo trắng của Thầy của Mẹ được các Đấng rất nhiều lần nhắc cho nhớ rõ rằng mỗi người chính là một *linh quang* – một ánh sáng thiêng liêng – tại thế gian.

Ánh sáng thiêng liêng ấy tuy đang sẵn có ở từng người, vì thọ bẩm từ Thượng Đế phú ban, nhưng mỗi môn đệ Cao Đài cần ý thức tu học và rèn luyện sao cho điểm *linh quang* tiềm ẩn của mình được hiển lộ, được phơi bày, nghĩa là được *tỏa sáng* ngõ hầu người đạo Cao Đài hôm nay thật sự xứng đáng là ánh sáng cho trần gian, nói theo lời khi xưa Chúa dạy. Tại sao thế?

Có là ánh sáng và có tỏa sáng, thì người Cao Đài mới đủ khả năng soi đường dẫn lối chúng sanh cùng đồng hành sống bước với mình thoát ra khỏi bóng đêm tăm tối mịt mù của lớp lớp vô minh dày đặc; mới đủ sức làm *sáng danh Thầy, sáng danh Đạo*; mới mặc nhiên làm chứng nhân sống động cho chân lý Cao Đài là *thực thể đạo cứu thế Kỳ Ba*; mới thực thi trọn vẹn hai lời hứa trước Thiên Bàn trong bốn thời cúng mỗi ngày: *Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai. Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.*

Nhắc đến lời nguyện *Đại Đạo hoằng khai*, chẳng khỏi nghĩ gần nghĩ xa khi nhìn thực trạng cơ Đạo hôm nay. Tính từ lúc này, chỉ còn mười hai năm nữa đạo Cao Đài sẽ tròn một trăm tuổi. Thời gian rồi qua rất nhanh, vậy cần làm gì? Quyết tâm ra sao?... Nếu không ý thức và nỗ lực bằng cả nhiệt huyết can tràng của từng cá nhân, của từng cộng đồng Cao Đài, e rằng đại lễ kỷ niệm trăm năm ấy sẽ chỉ là một hình thức thiếu thốn nội dung! Nội dung cần phải có là chi?

Đức Đông Phương Chưởng Quân từ bi huấn dụ: “*Danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ tượng trưng qua hình thức Hội Thánh, chức sắc, chức việc, mà nội dung chưa có chi gọi là xứng đáng trong phẩm vị Thần Tiên.*”⁽¹⁾

Hai câu *Nhứt nguyện, Nhì nguyện*... hầu như tín đồ nào cũng đọc mỗi ngày bốn lượt trước Thiên Nhãn Chí Tôn. Thế thì, hãy xem việc hoằng giáo, phổ độ là bốn phận thiêng liêng của tất cả mọi người con áo trắng. Ý thức được như vậy, mỗi người Cao Đài làm sao để chính mình tỏa sáng? Làm sao hoằng khai được Đại Đạo? Làm sao mang đến cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một nội dung xứng đáng? Trong tâm tư tình cảm ấy, chúng ta hãy nghiêm túc suy tư cùng hiền huynh Thiện Quang qua hiệp tuyên này, đặc biệt là với bài *TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI*, và bài *LÀM THẾ NÀO ĐỂ KHAI MINH ĐƯỢC ĐẠI ĐẠO*?

Tháng Tám 2014
BAN ÁN TỔNG

⁽¹⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 24-4 Quý Sửu (26-5-1973).

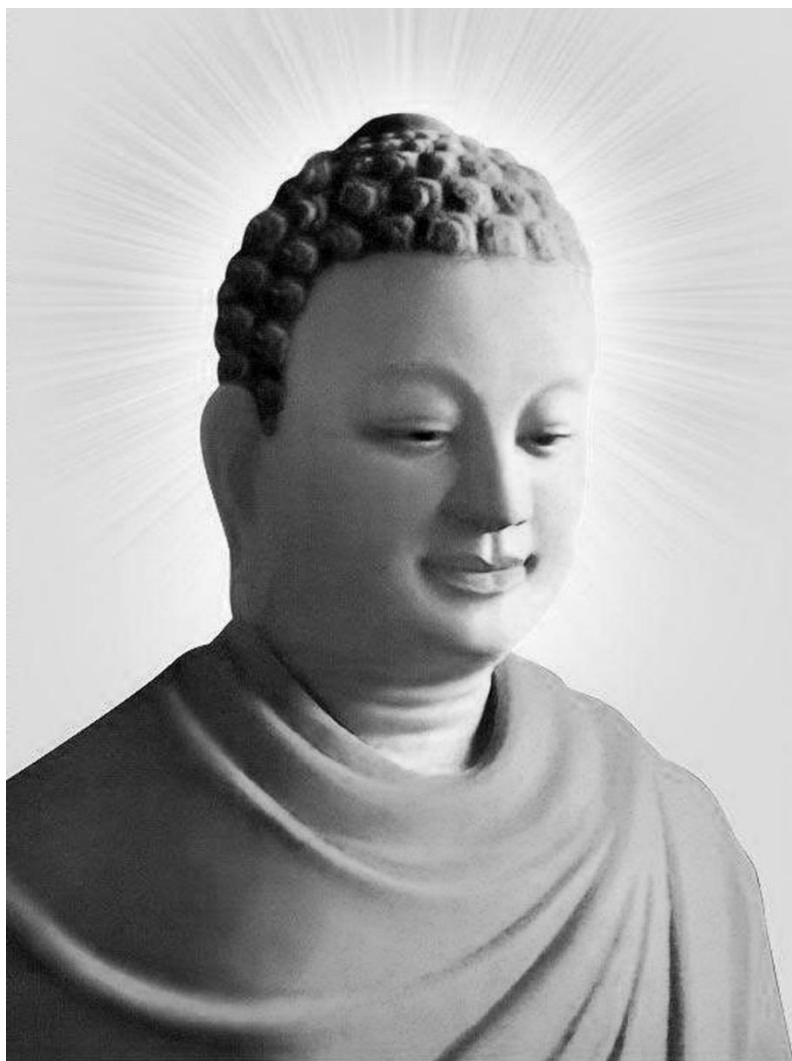
TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI

Hàng năm, vào mùa Phật Đản, tín đồ Phật Giáo trên toàn thế giới đều hướng lòng tưởng nhớ bậc Giáo Tổ đã tự lực tìm ra con đường giải thoát và tự thành chánh quả ngay tại thế gian này. Qua cơ bút Cao Đài, vào ngày mùng 8 tháng Tư năm Canh Tuất,⁽²⁾ Đức Thích Ca Mâu Ni dạy:

“Ngày đản sinh của Bốn Sư hằng năm được mọi người trên thế giới, được chư thiện tín hồi tưởng đến, và dĩ nhiên, hồi tưởng đến Bốn Sư là tưởng đến con đường giải thoát ra khỏi vòng quanh quẩn của thế gian.”⁽³⁾

⁽²⁾ Lễ Phật Đản (Vesak): Đại lễ mừng Đức Phật ra đời. Trước năm 1950, cũng như một số nước Đông Á, Việt Nam mừng lễ này vào ngày 08-4 âm lịch. Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ Nhất (*the First Conference of the World Fellowship of Buddhists*) tổ chức tại Tích Lan (Sri Lanka) từ 25-5 đến 08-6-1950, quy tụ đại biểu hai mươi sáu nước thành viên (trong đó có Việt Nam) đã đồng thuận chọn ngày lễ Phật Đản cho toàn thế giới là ngày 15-4 âm lịch. Tuy nhiên, ở Việt Nam, ngày 08-4 âm lịch vẫn được duy trì ở một số nơi, trong đó có thánh thất Bình Hòa (đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, Sài Gòn). Người Hoa chuyển âm (translitering) *Vesak* thành *Vệ Tắc* 衛塞; gọi lễ Phật Đản là *Vệ Tắc tiết* 衛塞節, *Phật Đản tiết* 佛誕節, *Phật Đản nhật* 佛誕日. [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽³⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).



Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác. THÍCH CA MÂU NI.

Đó là lời căn dặn dành cho những ai trên thế gian này có cơ duyên tưởng nhớ Ngài: Hãy hướng lòng tưởng nhớ ấy vào con đường giải thoát, chứ đừng hướng lòng tưởng nhớ

ấy vào cá nhân Đức Thích Ca Mâu Ni.

Có nghĩa lý gì chẳng khi ta tôn vinh một Đấng đã tự hạ mình để thoát ra khỏi mọi tâm lý thường tình trong nhân gian?

Có ích lợi gì chẳng khi ta dành sự sùng bái cá nhân cho một Bậc đã diệt bỏ hoàn toàn phạm ngã?

Hoàn toàn phi lý và vô bổ, trừ khi sự tôn vinh hay sùng bái này thật sự tạo nên trong chúng ta một ý thức, một động lực để nối tiếp những bước chân của vĩ nhân ấy trên thiên đạo giải thoát.

Ngày xưa, khi thái tử Sĩ Đạt Ta mới chào đời, có vị đạo sĩ Bà La Môn ⁽⁴⁾ đến hoàng cung và tiên tri rằng thái tử hoặc sẽ trở thành một hoàng đế vĩ đại, hoặc sẽ thành Phật.

Vào năm hai mươi chín tuổi, vị hoàng đế tương lai Sĩ Đạt Ta đã mạnh mẽ dứt bỏ những vinh hiển tột bậc của thế gian trong cuộc sống vương giả, dẫn thân vào cuộc đời tu hành nghèo khó, sống như một người ăn xin (khất sĩ), mượn miếng cơm khát thực để nuôi xác thân giả tạm trong lúc tìm đạo giải thoát.

Sau sáu năm tự chiến đấu với bản thân bằng một nghị lực phi thường, vị khất sĩ đại hùng đại lực đó đã tìm ra con đường giải thoát trong chính bản thân mình. Và khi nhất tâm tiến bước trên con đường giải thoát này, Ngài chỉ nhờ vào nỗ lực của chính mình chứ không dựa vào một một tha lực nào, ở tuổi ba mươi lăm, Ngài đã chứng đạo và thành Phật.

⁽⁴⁾ Đạo sĩ A Tư Đà (Asita). [Ban Ấn Tổng chú thích]

Bốn mươi chín năm sau đó,⁽⁵⁾ khi Phật Thích Ca sắp diệt độ (nhập niết bàn), Ngài để lại cho nhân loại lời di huấn: *“Hãy tự thấp đuốc lên mà đi!”*⁽⁶⁾

Lời di huấn đó chứa đựng điều gì? Chứa đựng nguyên lý muôn đời của thiên đạo giải thoát.

1. THẾ NÀO LÀ TỰ THẤP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI?

Vào những thời khắc cuối cùng khi Đức Thích Ca còn mang xác phàm tại thế gian, Ngài đã đặt câu hỏi cho tôn giả A Nan: *“Thế nào là tự mình thấp đuốc lên mà đi?”*

Rồi chính Ngài giải thích: *“Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác. (...) Sau khi ta diệt độ, người nào có thể tu hành đúng như thế, là người học đạo xuất sắc nhất.”*⁽⁷⁾

Trong câu *Hãy tự thấp đuốc lên mà đi*, thì *thấp đuốc* có nghĩa là gì? và *đi* là đi đâu?

Ngon đuốc ấy là chơn tâm của ta.

Thấp đuốc tức là làm cho chơn tâm của mình sáng lên.

Tự thấp đuốc tức là tự lấy nỗ lực của bản thân mà làm cho mình sáng suốt, chứ không trông cậy vào bất cứ một thế lực nào bên ngoài. Chỉ có cái sáng suốt do tự nỗ lực

⁽⁵⁾ Theo Phật Giáo Nam Tông (cũng gọi Nguyên Thủy), Đức Phật Thích Ca trụ thế *bốn mươi lăm năm*. Theo Phật Giáo Bắc Tông, thời gian hoàng pháp của Đức Thế Tôn là *bốn mươi chín năm*. [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽⁶⁾ *Kinh Trường A Hàm*, tập 1: *Kinh Du Hành*. Sài Gòn: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1991, tr. 121.

⁽⁷⁾ *Kinh Trường A Hàm*, tập 1: *Kinh Du Hành*. Sài Gòn: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1991, tr. 120-121.

mới có thể soi đường cho ta đi trên thiên đạo giải thoát và đạt đến chánh quả của chính mình.

Không những thế, Đức Thích Ca còn nhấn nhủ: *“Hãy nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác.”* Lời nhấn nhủ này chứa đựng một hàm ngụ thật sâu xa: Chánh pháp chỉ có thể hiện diện bên trong bản thân ta, trong khi tất cả mọi pháp khác trên thế gian này đều là pháp bên ngoài ta.

Quả thật, đến thời mạt pháp, khi Tam Kỳ Phổ Độ được khai mở để xiển dương chánh pháp, các Đấng thiêng liêng thường khuyên người tín đồ Cao Đài phải quay vào tìm chánh pháp trong bản thân.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Trên đường tu thân học đạo, hành giả phải chuyên nhứt tâm để tìm chánh pháp. Chánh pháp không ở ngoài thiên không vũ trụ mà ở ngay trong con người của hành giả. Khi ngộ nhập huyền môn tức thị chánh pháp khai thông để lìa khỏi tự ngã mới thấy tánh để thành Phật.” ⁽⁸⁾

Kể từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai minh, hồng ân của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng chan rưới xuống thế gian không biết bao nhiêu mà kể: cơ bút, đại ân xá, sự thân cận của các Đấng để tiện dạy dỗ chúng sinh... Những hồng ân như vậy giúp cho cơ đạo phát triển rất nhanh chóng, nhưng đồng thời cũng khiến không ít tín đồ và chức sắc Cao Đài dễ có xu hướng ỷ lại vào quyền năng vô hình.

Hồng ân của Thiêng Liêng dù quý báu đến đâu cũng vẫn chỉ là tha lực, nghĩa là cái ở bên ngoài bản thân chúng ta.

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ.

Đành rằng, chừng nào cơ đạo Kỳ Ba vẫn còn trong thời kỳ phôi thai thì Thiêng Liêng vẫn còn trực tiếp trợ lực cho con người ở những mức độ và bằng những hình thức khác nhau. Tuy nhiên, nguyên lý của thiên đạo giải thoát vẫn còn nguyên vẹn đó.

Năm Bính Thìn, Đức Vô Cực Từ Tôn bắt đầu nhắc đến nguyên lý này như một sự thật tất yếu mà chúng ta sớm muộn gì cũng sẽ phải đối diện:

“Đến một ngày nào đây các con cũng sẽ tự thấp đuốc mà đi...” ⁽⁹⁾

Cái ngày ấy lại đến rất nhanh. Chỉ một thời gian ngắn sau lời nhắc nhở của Đức Mẹ, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Từ đây sắp đến, chư đệ muội phải tự thấp đuốc mà đi.” ⁽¹⁰⁾

Ba năm sau đó, Ngài nhấn mạnh:

“Lúc này là lúc phải để cho chư hiền đệ, các chức vụ nhân viên, phải tự thấp đuốc mà đi cho cùng tột con đường sứ mạng...” ⁽¹¹⁾

Hai năm trước đó, Ngài giải thích:

“Sở dĩ Bản Đạo không đến với chư phận sự thường xuyên là muốn để chư hiền phải tự thấp đuốc mà đi, tự gắn bó với trách nhiệm, phải tha thiết tư duy về cơ cứu độ, phải thanh tịnh trước diễn biến của hoàn cảnh. Thanh tịnh mới

⁽⁹⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn.

⁽¹⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Đinh Tỵ.

⁽¹¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Canh Thân.

huệ sanh mà khỏi lằm đường lạc nẻo.” ⁽¹²⁾

Những lời dạy của Đức Lý Giáo Tông buộc chúng ta phải nhìn nhận một sự thật: Dù rằng ơn cứu độ vẫn tuôn chảy và sự dẫn dắt của Thiêng Liêng vẫn đủ đầy, nhưng nếu tự chúng ta không gìn giữ được sự thanh tịnh trong tâm hồn của chính mình thì, càng nhận được hồng ân nhiều bao nhiêu, chúng ta càng y lại và đi lằm đường lạc nẻo dễ dàng bấy nhiêu.

Nhiều năm sau lời nhắc nhở của Đức Mẹ, vào năm Quý Hợi, Đức Chí Tôn giải thích:

*“Vô Cực Từ Tôn đã từng dặn các con **hãy tự thấp đuốc mà đi** là để chuẩn bị đến một lúc các con sẽ không nhìn thấy thế tựa bên ngoài nữa, mà phải trở về thế tựa bên trong. Nội tâm con là nơi Thầy ngự. Nơi đây Thầy và các Đấng sẽ dạy bảo các con. Các con chỉ có cái tâm chuyên nhứt mới tỏ ngộ được ơn Thiên khai vậy.”* ⁽¹³⁾

Hành động *tự thấp đuốc mà đi* trong lời giải thích của Đức Chí Tôn ở đây không khác cách giải thích của Đức Phật hơn hai ngàn năm trước: Tự mình nương tựa vào sức mình, vào nội tâm của chính mình, chứ không dựa vào bất cứ cái gì ở bên ngoài bản thân mình dù đó là hồng ân của các Đấng thiêng liêng chẳng nữa. Đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ không còn được thấy những hồng ân ấy bằng các giác quan thông thường của mình nữa – dù điều này không có nghĩa là những hồng ân ấy không còn – thì chơn tâm của chúng ta chính là quan năng duy nhất cho phép chúng ta tỏ ngộ được ơn Thiên khai.

⁽¹²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Hợi.

Một chi tiết đáng được lưu ý: Nguyên lý *tự thấp được mà đi* cũng chứa đựng một ý nghĩa sâu xa khác, là phải chế ngự cho được ngoại cảnh. Cái gì sẽ giúp ta làm được điều này? Sức lực? Trí mưu? Tài năng?... Thật vô ích! Qua hành trạng của những Đấng đã thành đạo từ xưa đến nay, chúng ta hiểu rằng muốn có đủ sức mạnh để chế ngự ngoại cảnh, thì *nội tâm phải biết nhẫn nhục*.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Đến lúc phải đem sức người ra mà dùng, thì hãy cố nhẫn nhục chế ngự hoàn cảnh đi.” ⁽¹⁴⁾

Nhẫn nhục, vì vậy, là đức hạnh quan trọng nhất làm nên nội lực ở bất cứ ai muốn tự thấp sáng lấy tuệ giác của chính mình.

2. TỰ THẤP SÁNG HIỆN HỮU

Vào cuối thập niên 1970, trong dòng văn sử của giáo lý Đại Đạo bắt đầu xuất hiện thuật ngữ *thấp sáng hiện hữu* qua hai lời dạy của Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn.⁽¹⁵⁾ khi Ngài được Đức Đông Phương Lão Tổ phái đến để dẫn dắt về tâm pháp:

(a) *“Muốn làm người hành giả đi trên Đại Đạo để tìm nơi nguyên bốn vĩnh cửu trường tồn, thì Bốn Huỳnh khuyên hãy **thấp sáng hiện hữu** trước khi, để nhận thấy chỗ cứu cánh của đạo pháp, thì bước đường tu tiến mới vững vàng, khi gặp lúc thiên ma vạn chương ngăn ngõ đón đường mới*

⁽¹⁴⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽¹⁵⁾ Đức Huỳnh Chơn (thể danh Tạ Đăng Khoa) sinh ngày 06-02-1904 (21-12 Giáp Thìn) tại xã Long Thạnh, tỉnh Bạc Liêu; quy thiên ngày 18-4-1973 (16-3 Quý Sửu) tại Sài Gòn.

không bị chùn bước.”⁽¹⁶⁾

(b) “Chư hiền Thiên ân nên lưu ý, mỗi khóa tu trì nhập tịnh đều có ý nghĩa Thiên cơ thể đạo, chỉ cần tịnh viên **tự thấp sáng hiện hữu** thì mọi việc sẽ an bài thông suốt. Các Đấng thiêng liêng hằng dang tay chờ đợi, chỉ vì con người đầy lòng sân si chấp trước, thiên ý⁽¹⁷⁾ tự cao, mà không đến được tâm tay các Đấng.”⁽¹⁸⁾

Thế nào là **tự thấp sáng hiện hữu**?

Được Ôn Trên sử dụng theo nghĩa siêu hình học trong triết học Tây phương, chữ *hiện hữu* ở đây có nghĩa là *cái đang có*. Khi đào sâu vào nội dung triết học của khái niệm đơn giản này, chúng ta sẽ tìm thấy nguồn mạch của đạo giải thoát ngay trong lòng nền văn minh hiện đại của nhân loại.

Triết gia Pháp René Descartes (1596-1650) từng nhấn mạnh rằng *hiện hữu phải đi đôi với ý thức*. Chỉ khi nào có sự thức tỉnh của ý thức nơi chính bản thân ta, thì mọi thứ liên quan đến ta mới hiện hữu. Trong ngữ cảnh của đạo giải thoát, quan niệm triết học này có một ý nghĩa to lớn về mặt thực hành. Nếu Descartes may duyên được học tân pháp Cao Đài, nhưng cứ mỗi khi ngồi thiền định ông lại liên tục phóng tâm hướng ngoại hoặc liên tục hôn trầm (ngủ gục), thì buộc lòng ông sẽ phải thú nhận: Tôi không ý thức được sự thiền định của tôi, vậy sự thiền định đó không hiện hữu. Một người nếu cứ ở trong tình trạng thiền định như vậy, dù có gắng công bao nhiêu năm, cũng giống hệt như một

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-5 Đình Ty.

⁽¹⁷⁾ Thiên 偏: Lệch, nghiêng về một phía. Ý 倚: Lệch, nghiêng về một phía. Hai từ này đồng nghĩa. [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-11 Kỳ Mùi.

người chẳng bao giờ thiên định.

Theo triết gia Đức Edmund Husserl (1859-1938): *Hiện hữu* là kết quả của ý hướng (*intention*), tức là của ý thức có chủ đích. Quan niệm này cũng có một ý nghĩa rất quan trọng trong thiên đạo đại thừa. Nếu Husserl cũng được thọ pháp và bước vào một tịnh trường Cao Đài, ngay cả khi ông đã có ý thức rõ ràng về sự thiên định của mình – trong một thời tịnh có vẻ như thật hoàn hảo: không phóng tâm, không hôn trầm – nhưng nếu ý thức của ông không hướng một cách có chủ đích về việc trì hành chánh pháp, thì hẳn ông cũng sẽ phải thú nhận: Thời tịnh ấy cũng không hiện hữu, bởi vì tôi tuy có ý thức, nhưng ý thức ấy không có chủ đích. Và không có gì cho phép ta đảm bảo rằng một đời tu hành được hình thành từ những thời tịnh như vậy sẽ đạt được chánh quả.

Thế thì, nếu đọc được những chữ “*tự thấp sáng hiện hữu*” trong các đoạn thánh giáo trên đây, hẳn Descartes sẽ giải thích rằng đó là tự thấp sáng ý thức của chính mình, còn Husserl sẽ quả quyết rằng đó là tự làm sáng tỏ ý thức của mình theo một chủ đích xác định.

Cả ý thức của Descartes lẫn ý hướng của Husserl đều thuộc về cái mà đạo học gọi là *tâm*. Vì vậy, *tự thấp sáng hiện hữu* chính là tự mình nỗ lực để làm sáng cái tâm của mình lên, chứ không thể nhờ vả vào ai, trông cậy vào thế lực nào, chờ đợi một quyền năng nào.

Phật Giáo gọi đó là *minh tâm [để] kiến tánh*: Có làm sáng được cái tâm của mình, mới nhìn thấy được bản tánh của mình. Đó không phải cái gì khác hơn là *tự thấp đuốc mà đi*.

Nói rằng tự lực là nguyên lý của sự giải thoát không có

nghĩa là từ bỏ những trợ duyên cần thiết cho sự tiến hóa của bản thân. Cuộc đời mà ta đang sống là một ngôi trường để ta học hỏi những đạo lý sống thực. Trong ngôi trường này, mọi người đều phải *“học đạo lý bên ngoài để [làm] sáng tỏ đạo lý bên trong.”* ⁽¹⁹⁾ Ai cũng có thể khai thác mọi phương tiện cần thiết của thế giới giả tạm, miễn là đừng nương tựa vào chúng, mà phải nương tựa vào chính mình, vào chánh pháp trong bản thân mình.

Điều này có nghĩa là gì? Cùng là những người tạm mượn một phương tiện, nếu phương tiện đó bị mất đi, thì những ai nương tựa vào phương tiện rất dễ bị khổ đau; còn những ai nương tựa vào chính mình sẽ vẫn an lạc.

Hiểu được nguyên lý căn bản này của thiên đạo giải thoát, chúng ta hiểu vì sao khi dạy đạo pháp, Đức Đông Phương Lão Tổ từng căn dặn:

“Mượn để mà nói, chỉ chỗ để mà hành; đó cũng là cái tạm. Cái thiệt của Đạo là phải chứng minh bằng vô vi nhi đắc, nghe!” ⁽²⁰⁾

3. PHẢI CHỨNG MINH ĐƯỢC KẾT QUẢ CỦA SỰ GIẢI THOÁT

Ngày nay, liệu người tín đồ Cao Đài có thể lặp lại được thành quả ngày xưa của Đức Phật Thích Ca? Trong thời hạ nguơn mặt kiếp này, liệu có thể giải thoát ngay khi còn sống tại thế gian? Hay là phải đợi đến khi thoát xác, rồi lại phải chờ đến khi được Đức Chí Tôn ân ban, mới hy vọng bước vào được cõi thiêng liêng hằng sống?

Dựa vào nguyên lý *tự thấp đuốc mà đi*, chúng ta – với tư

⁽¹⁹⁾ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-5 Đinh Tỵ.

⁽²⁰⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 20-4 Quý Sửu (22-5-1973).

cách là những con người có lý trí đang sống và đang tu ở thế gian này – hãy dứt khoát bác bỏ trường hợp thứ hai, như lời Đức Bồ Tát Quan Âm dạy:

“Vậy chư hiền nên biết, đạo giải thoát ở đâu cũng có thể làm được. Giải thoát sự u trệ tâm hồn vị kỷ là tích cực phụng sự nhơn sanh độ dẫn người đời. Giải thoát sự u ám tâm linh là quyết chí trau luyện cõi lòng theo chơn pháp cho thanh bạch. Khi mọi việc đã chu đáo đối với đạo với đời rồi, không còn phải lo ngại gì về sự khiếm khuyết ân hận nữa, thì ra đó đã là giải thoát trong những lối giải thoát.” ⁽²¹⁾

Tự muôn đời, chánh pháp Đại Đạo buộc hành giả phải dựa vào tự lực để tự tu và tự chứng. Vậy thì, liệu có thể chứng minh được kết quả của sự giải thoát ngay trong cuộc sống hiện tại mà không cần phải đợi đến lúc thoát xác phàm?

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Sự giải thoát không phải đợi đến rũ bỏ nhục thể linh hồn mới được giải thoát. Ngay lúc sinh thời, ai ai cũng có thể thực hành phương pháp giải thoát. (...) Nếu đợi ngày rũ bỏ nhục thể, lấy gì chứng minh rằng được giải thoát cùng không? Nếu như thế thì Thiêng Liêng không khuyên bảo người tu đem đạo giáo đời để cho tất cả mọi người trọn tốt trọn lành, để an hưởng cõi thiên đường cực lạc tại thế gian. Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp

(21) Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

duyên.”⁽²²⁾

Đó là nói về việc tự tu cho mình, tự độ lấy chính mình. Còn muốn cứu độ tha nhân thì mọi việc còn khó khăn hơn nữa, vì nếu không chứng minh được cho nhân sanh nhìn thấy những kết quả có thật, mà chỉ dùng lý luận tư biện,⁽²³⁾ thì không mong gì nhân sanh tin tưởng.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Chư hiền sĩ, hiền muội! Cõi thế gian hữu hình hữu thể vật chất này, thiên hạ thường thường chạy theo và nghe theo, làm theo những điều tai nghe, mắt thấy và sờ mó được. Thế nên, đạo lý là những danh từ trừu tượng mông lung. Muốn đem đạo lý thức tỉnh thế nhân là một điều rất khó, nếu không có những lập luận vững chắc để minh chứng sự kiện; là điều nan giải đối với hàng hướng đạo. Vì con người sinh tại thế gian, trưởng thành tại thế gian và đến ngày hủy hoại thể xác cũng tại thế gian, nếu suốt trên khoảng đời từ sanh đến tử của phần nhục thể, con người ấy không thể hiện được những ngôn ngữ cùng hành động cụ thể nào để tỏ ra xứng đáng với những bậc tận thiện tận mỹ cho đời cảm ân kính nể noi gương làm theo, thì sự thành Thần Thánh Tiên Phật ở cõi vô hình sau khi người ấy tách rời nhục thể là điều không thể bảo đảm được cái lý luận của người hướng đạo.”⁽²⁴⁾

Làm sao để giải quyết sự nan giải này? Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: Hãy bắt đầu bằng một giải pháp căn bản là tự

⁽²²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽²³⁾ *Tư biện*: Tư duy trừu tượng thuần túy bằng khái niệm, không hướng tới kinh nghiệm, không xuất phát từ hiện thực khách quan. [Ban Ấn Tổng chủ thích]

⁽²⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

kiểm điểm nội tâm một cách thường xuyên. Ít nhất mỗi ngày một lần, mỗi người phải tự nhìn vào nội tâm mình, lấy sự công bình và vô tư mà tự phán xét lấy mình, để thấy rõ những gì trái đạo lý và đúng đạo lý mà mình đã nghĩ, đã nói, đã làm trong ngày. Đến khi đã tập được thói quen này, thì dần dần, mỗi người phải biết nhìn vào nội tâm mình thường xuyên hơn – không phải là hàng ngày nữa, mà là hàng giờ, hàng phút – để tự kiểm soát bản thân, tự điều chỉnh hành vi của mình trong mọi khoảnh khắc của đời sống.⁽²⁵⁾

Phương pháp này được các Đấng thiêng liêng gọi là vô ngã kiểm.

Kiểm có nghĩa là *tự kiểm điểm* hay *tự xét mình* đối với những việc đã qua, để dần dần *tự kiểm soát lấy mình*, *tự giáo dục lấy mình*, *tự dần dặt lấy mình* đối với những việc đang đến và sắp đến.

Vô ngã có nghĩa là dẹp bỏ khỏi lòng mình cái bản ngã phạm tục, cái tôi tri độn trong vô minh.

Vậy thì *vô ngã kiểm* có nghĩa là vứt bỏ cái tôi đi để tự kiểm điểm lấy mình, tự kiểm soát lấy mình, tự giáo dục lấy mình.

Trong vô ngã kiểm, luôn có sự tự lực của chính mình nhằm làm cho tâm mình sáng lên từ bên trong, và đức hạnh cũng như tài năng của mình tỏa sáng ra bên ngoài.

Ai là người tự làm sáng lấy tâm, hạnh, đức, tài của mình như vậy, ấy là người biết thực hành nguyên lý *tự thấp đước mà đi* của thiên đạo giải thoát.

⁽²⁵⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

Chúng ta đang nói về việc chứng minh cho nhân sanh thấy những kết quả thuyết phục của sự giải thoát. Một ánh đuốc tự thấp lên chẳng những sẽ dẫn đường cho bản thân mình đi, mà còn có thể dẫn đường cho những người cùng sống với mình, ở quanh mình, hoặc có những mối liên hệ nào đó với mình.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy rằng con người như vậy thì:

“Tuy sống còn tại thế làm một công dân như các công dân khác, nhưng tâm hồn, tư tưởng, ngôn ngữ, hoàn toàn là người có mực thước, đức độ, mô phạm, gương mẫu; còn những hành động thì toàn là những hành động ích chúng lợi tha. Như vậy, tuy chưa giải thoát phần nhục thể, tâm hồn đã giải thoát rồi tại cõi thế gian vì những tư tưởng, hành động, ngôn ngữ hoàn toàn trong lãnh vực chí thiện, chí mỹ, chí nhân, sánh tày^(26a) Thần Thánh Tiên Phật rồi còn gì nữa. Con người như thế không đáng kính nể mến yêu là bậc siêu nhân ru!^(26b)”⁽²⁷⁾

Có người phản bác việc chứng minh này ở ngay cách đặt vấn đề của nó: Đã tu hành rồi, sao còn bận tâm với những chứng minh này nọ? Người phản bác ấy cho rằng kết quả tu hành phải đạt được một cách kín đáo chứ không cần thể hiện cho ai biết, và do đó, không cần phải thuyết phục ai hay chứng minh với ai rằng sự giải thoát có hay không có một kết quả.

Đối với ý kiến phản bác này, cần xác định rõ hai điều.

- Thứ nhất, việc chứng minh kết quả của sự giải thoát

^(26a) *Sánh tày*: Sánh bằng. [Ban Ấn Tổng chú thích]

^(26b) *Ru!*: Sao! Đấy sao! [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽²⁷⁾ Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

trước hết là chứng minh đối với chính mình: Nhờ chứng minh được một cách khách quan, mình mới không tự lừa gạt mình bằng những giả định viển vông.

- *Thứ hai*, khi và chỉ khi chứng minh kết quả này đối với nhân sanh, người tu mới cứu độ được nhân sanh.

Chúng ta hãy đi sâu vào từng điều một, trong hai điều này.

Về điều thứ nhất, phải chứng minh được kết quả giải thoát của mình đối với chính mình.

Có không ít người đạo dốc sức tu hành chỉ vì “*mong vọng sẽ trở thành Phật Tiên*”,⁽²⁸⁾ hoặc nói hơi khác đi một chút, vì “*muốn giải thoát hết nhân tình thế sự, cả cái uống cái ăn, cái sống đối với đời, để tìm tới một thiên đàng, một cực lạc nào đó sung sướng hơn, trường cửu hơn.*”⁽²⁹⁾

Rồi họ tự tưởng tượng ra cho mình những phẩm chất không có thật mà họ coi đó là những kết quả của việc tu giải thoát, ví dụ như phẩm chất *luôn luôn biết trước được thánh ý*, hay là *nghe được những tiếng nói vô thanh*, hay là *thấy được những cảnh tượng lạ kỳ khi ngồi thiền*, hay là *luôn luôn tìm kiếm lại được những tiền bạc đã mất*, v.v...

Những điều ấy nghe có vẻ như những thô lộ của dục vọng nơi chính họ, nào phải là trạng thái an lạc của một tâm hồn siêu thoát.

Đạo vốn nằm ngay trong sự sống của chúng ta và Đạo chính là đời sống của chúng ta; do đó, sự thành đạo nếu có

⁽²⁸⁾ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽²⁹⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

thì phải là một sự việc rất thực tế, và phải thể hiện trong mỗi suy nghĩ, lời nói, việc làm của người đạo hằng ngày.

Sở dĩ người ta muốn thoát khỏi thực tế để tìm đến những thế giới viển vông trong trí tưởng tượng, chỉ đơn giản vì người ta không đạt được Đạo trong hiện thực, *“vì thực tế không nhìn thấy Đạo nữa cho nên mới tìm kiếm xa hơn để mà hy vọng.”*⁽³⁰⁾

Bất cứ cách nói của Francis Bacon,⁽³¹⁾ chúng ta nói rằng những người tu như thế, chẳng những không giải thoát mà còn cam chịu nô lệ đến ba lần: Nô lệ cho dục vọng; nô lệ cho trí tưởng tượng; và nô lệ cho sự đói khát về tinh thần.

Ở *lần thứ nhất*, họ để cho dục vọng của mình lường gạt mình, khiến họ tưởng rằng mình đã đạt được những kết quả này nọ trên đường tu.

Sang đến *lần thứ hai*, họ bị trí tưởng tượng cho thường thức bánh vẽ (chứ không phải bánh thật)!

Rồi đến *lần thứ ba*, tuy đã biết chánh pháp Đại Đạo mà họ vẫn không hấp thụ được chánh pháp Đại Đạo: *“Chẳng khác nào như đoàn người chết khát bên dòng suối, đoàn người chết đói trên vựa lúa, đàn chiên kiệt sức trên bãi cỏ xanh; còn người tu phải khô khan cần cỗi bên nguồn giáo lý, phải sa đọa bên bờ giác.”*⁽³²⁾

⁽³⁰⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽³¹⁾ Will Durant, *Câu Chuyện Triết Học*. Nxb Đà Nẵng, 2000, tr. 123. Francis Bacon là triết gia Anh (1561-1626).

⁽³²⁾ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, thánh tịnh Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất Ty (06-02-1965).

Muốn tránh khỏi tình trạng đó, phải luôn luôn tự chứng minh một cách khách quan cho chính mình biết rằng mình đã đi được đến đâu trên thiên đạo giải thoát.

Về *điều thứ hai*, phải chứng minh được kết quả giải thoát của mình đối với nhân sanh. Có như thế, nhân sanh mới tin tưởng rằng ơn cứu độ của Đại Đạo là một sự thật cụ thể, chứ không phải là những truyền thuyết hão huyền.

Người tín đồ Cao Đài không thể chỉ tu cho cá nhân mình, mà còn phải tu cho toàn nhân loại, nếu không nói là tu cho cả chúng sanh. Đó là một bổn phận phải hoàn thành chứ không phải là một chọn lựa tùy sở thích. Đức Lý Giáo Tông từng nhấn mạnh: *“Người đạo Cao Đài là gương mẫu, là chiếc đò, là nhịp cầu đưa khách từ bến mê sang bến giác, là điện đài thu phát động năng thúc đẩy sự thống hiệp giáo lý, là tính chất của Tạo Hóa kết hợp sự thương yêu cho toàn diện thế giới nhơn loài.”* ⁽³³⁾

Mỗi người tín đồ Cao Đài phải tu sao cho kết quả của việc tu của mình trở thành tấm gương sáng cho nhân sanh: *“Gương mẫu cho người đời hướng thiện, gương mẫu để thức tỉnh kẻ đang mê.”* ⁽³⁴⁾

Một khi những tấm gương tốt đẹp xuất hiện ngày một nhiều trong xã hội, thế giới tự nó sẽ thay đổi:

“Chư hiền sĩ, hiền muội phải quan niệm tu thân hành đạo và giải thoát như vậy. Có phương pháp hành động như vậy ngay tại cõi đời này để xứng đáng là người tín hữu làm sáng danh đạo. Có sáng danh đạo, người đời nhìn vào kính

⁽³³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Canh Tuất (16-8-1970).

⁽³⁴⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

để bắt chước làm theo. Nếu một người bắt chước tu thân để trở nên hàng thánh thiện, mười người như vậy, trăm ngàn muôn triệu triệu người làm như vậy thì thế gian này không phải là hoàn toàn bề khổ nữa, mà đó là cõi thiên đường tại thế.” ⁽³⁵⁾

Vậy muốn độ đời, người Cao Đài phải làm gương cho nhân sanh; và bản chất của sự làm gương này chính là chứng minh, không phải bằng lý thuyết suông mà bằng những thành công thật sự trên thiên đạo giải thoát.

Nhưng muốn chứng minh bất cứ cái gì, chúng ta đều phải có những bằng chứng xác thực. Thế thì, nếu muốn tìm thấy bằng chứng của sự giải thoát trong bản thân mình, chúng ta phải tìm đến những gì?

4. BẰNG CHỨNG CỦA GIẢI THOÁT: NHÂN HÒA VÀ ĐẠI ĐỒNG

Một người tu đạt được sự giải thoát đến đâu, điều này phải được thể hiện bằng việc người ấy thật sự tạo được sự đại đồng trong đời sống như thế nào. Trình độ tạo lập và phát triển một tập thể đại đồng, một cộng đoàn đại đồng là bằng chứng quan trọng nhất nói lên mức độ giải thoát của một người Cao Đài.

Buổi đầu Khai Minh Đại Đạo, tại chùa Gò Kén (Thiền Lâm Tự), Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ, chỉ vụ một chữ Hòa.” ⁽³⁶⁾

⁽³⁵⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 16-6 Canh Tuất (18-7-1970).

⁽³⁶⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2. Đàn tại chùa Gò Kén,

Nếu không đạt được chữ Hòa này, người đạo Cao Đài sẽ chẳng bao giờ làm xong sứ mạng của mình. Thế thì, người Cao Đài dù có tu giải thoát bao lâu, có tiến đạo đến đâu, mà không hòa được với mọi người, thì không có cách nào tự chứng minh cho bản thân mình (và cho cả nhân sanh nữa) tin rằng mình có thể thành đạo trong kiếp này.

Mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là *thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát*. Mục đích này được Đức Chí Tôn đặt ra cho mỗi người tín đồ Cao Đài dưới dạng một mệnh lệnh: *Phải tu giải thoát và phải sống đại đồng*, chứ không như một lựa chọn tùy hỷ theo kiểu nếu có thể, thì hoặc là tu giải thoát, hoặc là sống đại đồng; còn nếu tốt hơn nữa, thì làm cả hai.

Cả giải thoát lẫn đại đồng đều phải được thực hiện thành công ngay trong bản thân ta ở ngay trong hiện kiếp. Không những thế, cái này còn là điều kiện của cái kia: Muốn thành công trong việc tu giải thoát, phải biết sống đại đồng; và ngược lại, muốn thành công trong đời sống đại đồng, phải quyết chí tu giải thoát. Chỉ có phối hợp như vậy mới thấp sáng được cái hiện hữu của ta. Nếu chẳng thế, chư Tiên Khai Đại Đạo đã không căn dặn những ai dẫn bước vào đại thừa thiên đạo như sau:

“Này các em, khi bước vào ngưỡng cửa đại thừa, người hành giả phải tự sáng chói điểm đạo để phá tan những cái tối tăm dày đặc sai lầm phân ly. Có như vậy tâm mới hòa, mới huyền đồng cùng Tạo Vật, từ huệ mới phát lộ mà hóa hồng chánh pháp, cứu độ nhơn sanh trong thời khó khăn ly loạn này.”⁽³⁷⁾

14-01 Đinh Mão (13-02-1927).

⁽³⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Kỷ Mùi.

Tạo vật quan trọng nhất mà mỗi hành giả Cao Đài cần hòa với, chính là tha nhân đang sinh hoạt chung quanh mình, chứ không phải là những Tiên Phật đã thượng thăng trên trời cao.

Những ai chưa giải thoát được gì hết, sẽ không thể hòa được với tha nhân ở bất kỳ mức độ nào, và do đó, không thể sống đại đồng trong bất kỳ tập thể nào.

Ngược lại, những ai không hòa được với tha nhân, không biết tạo dựng đời sống đại đồng cho những tập thể mà mình sống với, thì cũng chẳng thể biết chắc rằng mình có giải thoát nổi ra khỏi luân hồi chuyển kiếp hay không.

Vậy thì đã nhất tâm dần bước trên thiên đạo giải thoát, hành giả phải hòa với tha nhân nếu muốn đảm bảo cho sự thành công của mình, y hệt như lời dạy của Đức Mẹ Vô Cực Từ Tôn:

“Này các con! Đạo không có ở ngoài thân con mà pháp là phương tiện. Con hiểu được Đạo, hành được Đạo là thị hiện được pháp. Khi pháp hiển dương tất nhiên con đủ quyền năng giúp đời độ chúng.

Con ôi! Tu học mà không thoát được vòng mê chấp thì sớm muộn gì cũng sa vào chốn mê đồ. Các con muốn hoàn toàn giác ngộ để thâm nhập nghĩa lý siêu mầu của đạo pháp thì đừng bao giờ quên những món báu là từ hòa, khiêm tốn, bác ái, khoan dung, nhẫn nại, trì thủ và hy sinh mọi cái tư hữu của chính con.

Bao nhiêu đó, con hòa được với cảnh, hòa được với nhân tâm, tự khắc sẽ hòa cùng thiên lý. Bao nhiêu đó, con sẽ thấy con không còn nhơn còn ngã, còn kỷ còn cầu. Nếu không nhơn ngã, vô kỷ, vô cầu, là con thực hiện đúng đạo

lý, đúng chánh pháp Đại Đạo vậy.” ⁽³⁸⁾

5. MỘT ĐỜI TU GIẢI THOÁT CHỈ CÓ THỂ THÀNH CÔNG NHỜ MỘT ĐỜI SỐNG ĐẠI ĐỒNG

Hầu hết những điểm then chốt trong giáo lý Đại Đạo về sự giải thoát được Đức Quan Âm Bồ Tát tóm tắt như sau:

*Giải là cởi mở nghiệp căn qua
Giải ấy chùi lau sạch mị tà
Giải nợ hồng trần bằng tích cực
Giải vây tục lụy với xông pha.
Giải mê tư tưởng trong thình sắc
Giải chấp tâm tình ở kỷ tha
Giải khổ nhờ tu, tu chánh đạo
Giải rồi thì sẽ thoát trần la.
Thoát là tránh khỏi có gì đâu
Thoát được phiền ba thấy nhiệm mầu
Thoát hóa rằng không nhân sự phé
Thoát điều phi đạo mới tròn câu.* ⁽³⁹⁾

Muốn thoát, trước hết phải giải, tức phải tự cởi trói, tự tháo gỡ mọi gông cùm cho chính mình. Ở đây, có bốn chiếc chìa khóa cho sự thành công mà về thực chất đều là lối sống nhân hòa, đại đồng ngay giữa hồng trần tục lụy:

*Giải nợ hồng trần bằng tích cực,
Giải vây tục lụy với xông pha,
Giải mê tư tưởng trong thình sắc,*

⁽³⁸⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn.

⁽³⁹⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Giải chấp tâm tình ở kỷ tha.

Bây giờ, chúng ta hãy đặt câu hỏi đối với từng chiếc chìa khóa một: Làm sao để tự sử dụng chiếc chìa khóa này mà khai thông con đường giải thoát cho chính bản thân mình?

May mắn thay, lời giải đáp cho những câu hỏi như vậy cũng đã sẵn có trong giáo lý Đại Đạo.

Làm sao để giải nợ hồng trần bằng tích cực?

Ít có ai cảm nhận được ý nghĩa giải thoát của chữ *tích cực*. Nhà tâm phân học người Do Thái Victor Frankl (1905-1997) đã đạt được trải nghiệm này khi bị giam trong trại tập trung của Đức Quốc Xã. Trong những ngày đối diện với cái chết, ông đã tìm ra ý nghĩa của sự tích cực ngay trong những nỗ lực để sống còn của ông. Ý nghĩa ấy thật đơn giản: *Người tích cực là người biết chịu trách nhiệm về mọi hành vi bản thân mình, dù đó là hành vi của tư tưởng, lời nói, hay việc làm.* Nhờ trải nghiệm này, nội tâm của ông đã bừng sáng và giúp ông chiến thắng được sức mạnh của bạo lực ở ngoại cảnh.

Nghiên cứu ý nghĩa ấy, Stephen R. Covey (người Mỹ, 1932-2012) thấy rằng người không-tích-cực thường sống bằng “sự bận tâm” (*concern*), họ luôn bận tâm với những yếu kém của người khác, vào các vấn đề của ngoại vật, vào các yếu tố mà họ không thể làm chủ được, và lấy đó làm lý do để trách móc, kết tội tha nhân và hoàn cảnh, cũng như, để biện hộ cho khuyết điểm của bản thân. Ngược lại, người tích cực không sống bằng “sự bận tâm”, mà tập trung mọi nỗ lực vào việc rèn luyện “sự ảnh hưởng” (*influence*) của nội tâm mình để tác động lên ngoại vật, nhờ vậy mà họ làm

chủ được hoàn cảnh.⁽⁴⁰⁾

Như vậy, tự thân sự tích cực đã là một hành vi giải thoát của tư tưởng. Hành vi này giúp chúng ta đạt được mức độ giải thoát đầu tiên ngay tại thế gian này.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Giải thoát sự u trệ tâm hồn vị kỷ là tích cực phụng sự nhân sanh, độ dẫn người đời.” ⁽⁴¹⁾

Muốn giải thoát ra khỏi cái u trệ của bản ngã, cái tri độn của sự ích kỷ... thì phải phụng sự nhân sanh. Đây là cấp độ giải thoát căn bản. Ngay từ bậc hạ thừa, người môn đệ Cao Đài đã phải công quả để phụng sự. Phụng sự ở đây không phải để đánh đổi âm chất cho bản thân, mà để chu toàn một bốn phận làm người. Đến khi mình đã tiến bộ được một vài bước ở trình độ này rồi, thì phải độ dẫn người đời, chứ không đợi đến lúc mình thành Thần Thánh Tiên Phật gì cả. Tinh thần *độ dẫn người đời* là một tinh thần đại thừa, thuộc về sứ mạng đại thừa của con người trong Đại Đạo. Xem ra, cấp độ giải thoát này tuy cơ bản nhưng không thấp thỏi chút nào, mà ngược lại, đó là nền tảng cho cả tam thừa cửu phẩm trong Đại Đạo.

Làm sao để giải vây tục lụy với xông pha?

Tục lụy là cái gì mà bao vây được chúng ta? Đó là bốn vách trần tù *tham, sân, si, dục*. Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

⁽⁴⁰⁾ Stephen R. Covey, *Bảy Thói Quen Của Những Người Thành Đạt*. Nguyễn Văn Cừ dịch, Nxb Thống Kê, 1996, tr. 85.

⁽⁴¹⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

*Thoát ra bốn vách trần tù,
Tham sân si dục, mịt mù bốn bên.*⁽⁴²⁾

Nhưng, nhà tù ấy do đâu mà có? Ai đã tạo ra? Chính mỗi người đã tự kiến tạo nhà tù ấy cho bản thân mình. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Người lỡ tạo trần tù bốn vách
Lỡ bước vào, không cách trở day
Tuy không bóng dáng hình hài
Cao không đo được, sâu dày khó thăm.*⁽⁴³⁾

Tấn bi hài kịch lạ lùng nhất của mỗi con người đều nằm ở chỗ này: Chúng ta tự kiến tạo ra ngục tù để giam cầm lấy mình, tự kiến tạo ra gông cùm để trói buộc lấy mình. Sự kiến tạo ấy đã làm nên những hệ thống xiềng xích đáng sợ nhất thế gian. Đến nỗi, sau khi thoát xác và trở về được Tiên cảnh, nhớ lại những kiếp luân hồi của mình trong nhà tù này, Đức Chơn Thường Đạo Sĩ phải ngậm ngùi than:

*Thế mới biết trần tù bốn vách
Có ngõ vào, không ngách chun ra
Nếu không huệ kiếm trờ tà
Vô minh buông rủ khó mà vén lên.*⁽⁴⁴⁾

Huệ kiếm ấy là gì? Là sự dứt khoát cắt bỏ vọng tâm và giữ gìn chơn tâm. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Bởi thế, sự dứt khoát giữa cái vọng và chơn thật là một điều rất hy hữu trên đời này vậy. Muốn mau tiến hóa trên

⁽⁴²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu.

⁽⁴³⁾ Hườn Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

⁽⁴⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 14-7 Canh Tuất (15-8-1970).

đường tu công bồi đức, ngoài những phương châm vạch sẵn trong giáo lý, chư hiền nên duy trì cơ tánh thuần lương thiện mỹ và tránh các trường hợp khi thì cầu kinh lạ Phật, khi thì bố thí cúng dường, khi thì đồ kỵ tha nhân, tham lam ích kỷ, để gây quân bình trọn vẹn cho địa vị tu hành của mình.” ⁽⁴⁵⁾

Lời dạy này cho chúng ta một công thức thực hành để dẹp bỏ vọng tâm: Nhìn vào lòng mình, tự kiểm một cách vô ngã, và dẹp đi mọi tham, sân, si, dục. Ngoại trừ những bậc đã tu thành chánh quả tại thế gian, phần còn lại (như chúng ta) đều có một chân dung nội tâm tương tự nhau về cái tôi của chính mình. Hiện rõ mồn một trên chân dung “tôi” ấy là rất nhiều tham, sân, si, dục. Cái tham, cái dục là những cái mà chúng ta rất dễ nhìn thấy, còn những tánh sân và si lại có vẻ khó nhận diện hơn.

Lời dạy của Đức Quan Âm cho ta biết rằng muốn nhận ra tánh sân của “tôi”, phải tự theo dõi xem “tôi” đồ kỵ tha nhân ở mức độ nào, và chính sự đồ kỵ ấy là kẻ đại diện tiêu biểu nhất của tánh sân, bởi vì bản chất của tánh sân là sự tranh chấp, tìm kiếm những hơn thua giữa mình với người khác.

Thế còn tánh si? Không nằm ở đâu xa: đại lý của nó chính là sự ích kỷ, bởi vì bản chất của tánh si là sự mê muội do tự yêu lấy cái phạm ngã của mình.

Té ra, chúng ta “*đang sống với lũ quỷ vô thường mà không hay không biết. Nó lẫn trong đời sống vật chất, trong tâm duyên lự, trong tâm tích tập. Nó xúi giục đủ điều, sân si tật đổ, khẩu thiệt, ích kỷ...*” ^(46a)

⁽⁴⁵⁾ Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Thế nên, muốn thoát khỏi những vòng vây tục lụy, thoát khỏi những ngục tù mà sự vô minh của ta liên tục tạo ra, thì ta chỉ có thể trông cậy vào chính mình, chứ không một Đấng thiêng liêng nào có thể giải thoát thay cho ta được.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn dạy ta rằng *“cần dứt khoát xa lánh lần lữ quý vô thường – thấy vô thường, nghe vô thường, nói vô thường – để chủ nhơn ông vững vàng vô ngại.”* ^(46b)

Làm sao để giải mê tư tưởng trong thịnh sắc?

Muốn giải mê, phải thật sự hiểu rằng mình mê ở chỗ nào và mê như thế nào. Hơn nữa, cũng phải hòa nhập vào đại chúng thì mới biết mình có mê hay không; nếu cứ đóng cửa mà sống trong một tháp ngà cô lập thì ai cũng có thể quả quyết rằng mình luôn giác ngộ, chỉ đơn giản là vì không có dịp để va chạm toàn diện với những thử thách trong trường thi công quả.

Khi nói đến *thịnh sắc* – nghĩa là *âm thanh* và *sắc tướng* – tức nói đến những thứ mà tai ta nghe, mắt ta thấy do va chạm với những sự kiện ngoại giới. Còn nói đến *tư tưởng* là nói đến những điều mà lý trí ta suy nghĩ, và cả những điều mà ta cho rằng mình hiểu, mình biết sau những va chạm như vậy.

Có một nghịch lý đáng sợ nhưng là quà tặng quý báu cho những ai có lối suy nghĩ độc đoán: *Tư tưởng và tri thức của ta, nếu dựa vào thịnh sắc thì không ổn, mà không dựa vào thịnh sắc cũng không xong.*

Triết học đã khám phá ra nghịch lý này từ khá lâu: một

^(46a,b) Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Minh Đức Tu Viện, 27-01 Tân Dậu.

mặt, theo các triết gia duy nghiệm (*empiricists*), hễ tư tưởng không dựa vào thính sắc thì tư tưởng sẽ trở nên rỗng tuếch, và mặt khác, theo các triết gia duy lý (*rationalists*), hễ tư tưởng dựa vào thính sắc thì tư tưởng sẽ bị thính sắc lừa bịp.

Tình trạng bị kẹt giữa hai điều mâu thuẫn này của tư tưởng – như đạo học từ cổ chí kim vẫn bảo – là tình trạng mê muội của tư tưởng. Sở dĩ tư tưởng con người bị mê muội trong những sắc tướng, âm thanh của thế gian là vì con người còn chấp lấy cái ngã của mình khi giao tiếp với tha nhân.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Còn chấp ngã là còn mê vọng, tham, sân, si. Còn mê vọng, tham, sân, si là còn nhân quả chuyển luân không dứt.” ⁽⁴⁷⁾

Làm sao để giải phóng tư tưởng ra khỏi song đề đối nghịch (*dilemma*) này, hay nói đơn giản hơn, làm sao để giải mê tư tưởng trong thính sắc?

Phải tự chữa cho mình căn bệnh chấp ngã. Nếu cái thấy, cái nghe, cái hiểu biết của mình mà thuần chơn vô ngã, hãy gìn giữ lấy chúng; còn ngược lại, nếu chúng nhuốm màu sắc của tự ngã, hãy tinh tảo vất bỏ chúng đi.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Nếu vất bỏ hết những thấy, nghe, hiểu, biết theo thể sự thường tình thì minh linh phát hiện, soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng sanh để phá tan màn đêm lục

⁽⁴⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Ty.

thức cho tất cả chúng sanh hồi đầu thị ngạn.” ⁽⁴⁸⁾

Làm sao giải chấp tâm tình ở kỷ, tha?

Để giúp chúng ta dẹp bỏ những tâm tư tình cảm thuộc loại chấp người, chấp ta, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy một phương pháp giản dị và hiệu quả:

“Khi nào muốn phê bình chỉ lỗi một người nào, tự xét coi đời mình có lần nào lâm vấp lỗi ấy không. Nếu có hãy tha thứ cho họ. Khi nào trong lòng cảm thấy giận hờn buồn tức người khác, tự vấn lương tâm hỏi coi mình có cần sự an ủi vỗ về với lời dịu dàng triu mến trong tinh thần xây dựng hay không? Nếu cần, sẽ tha thứ và hãy dùng các biện pháp ấy để giúp người đó. Cố gắng tập rèn mãi mãi. Khi gặp một cảnh ngộ nào xảy đến, phải tập cho lòng mình có chút trắc ẩn xót thương tội nghiệp giùm cho người ấy. Sau thời gian lâu ngày, tự nhiên thấy lòng mình từ ái vô biên, thanh cao mát mẻ. Từ đó, thể hiện lên nét mặt dễ kính dễ mến, dễ gây thiện cảm với mọi người” ⁽⁴⁹⁾

Như vậy, khi đi tìm câu trả lời cho việc sử dụng các chìa khóa để tự cởi trói, tự tháo gỡ mọi gông cùm cho chính mình, chúng ta có thể rút ra công thức cho sự thành công của một người tín đồ Cao Đài biết tu và biết sống; công thức ấy là:

Tu giải thoát bằng cách sống đại đồng.

Sống đại đồng bằng cách tu giải thoát.

Ứng dụng công thức này trên viên đồ của thiên đạo giải thoát, thì một đời tu giải thoát chỉ có thể gặt hái những

⁽⁴⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ.

⁽⁴⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

thành công nhờ một đời sống đại đồng. Tự lấy khả năng nhân hòa và đại đồng của mình để **vô ngã kiểm** kết quả tu giải thoát của mình, đó chính là tự thấp đuốc mà đi trong cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

6. VÀI DÒNG TẠM KẾT

Kết quả đích thực của sự giải thoát luôn luôn nằm trong việc tự rèn luyện thân tâm của chính ta, chứ không bao giờ nằm trong kinh sách hay trong ân điển của các Đấng thiêng liêng. Vì vậy, trên thiên đạo giải thoát, mỗi người phải *“tự mình nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa một pháp nào khác.”* ^(50a) Đức Thích Ca bảo: *“Sau khi ta diệt độ, người nào có thể tu hành đúng như thế, là người học đạo xuất sắc nhất.”* ^(50b)

Nhiều tín hữu Cao Đài thường tự hào chỉ vì nền tôn giáo của mình mang danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Thế nhưng, Đức Đông Phương Chương Quán vì lòng từ bi từng đề lời thức tỉnh:

“Danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ tượng trưng qua hình thức Hội Thánh, chức sắc, chức việc, mà nội dung chưa có chi gọi là xứng đáng trong phẩm vị Thần Tiên. Đó là chỗ khuyết điểm rất lớn trong sứ mạng to tát của dân tộc được chọn này.” ⁽⁵¹⁾

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, Đức Chí Tôn đang để cho môn đồ tự thấp đuốc mà đi. Đừng xem đó là điều đáng ưu tư; hãy gọi đó là một sự huấn luyện. Chỉ có sự huấn luyện như vậy mới tạo ra được những đạo đồ Cao

^(50a,b) *Kinh Trường A Hàm*, tập 1: *Kinh Du Hành*. Sài Gòn: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, 1991, tr. 120-121.

⁽⁵¹⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 24-4 Quý Sửu (26-5-1973).

Đài chứng đắc tại tiền, để làm những gương mẫu cho nhân sanh trên cả thế đạo đại đồng lẫn thiên đạo giải thoát.

Nếu đạo Cao Đài không có những đạo đồ như vậy, thì chẳng mong gì thuyết phục được nhân loại rằng đạo này quả thật là Đại Đạo! Không phải cứ mang thánh giáo ra thuyết giảng mà Cao Đài có thể trở thành Đại Đạo trong nhận thức của thế nhân. Sự thuyết giảng này dù cần thiết đến đâu, vẫn phải có con người chứng đạo.

Chính vì thế, đã thọ tân pháp Đại Đạo, dù ở cấp nào trong tam thừa cửu phẩm, bốn phận của mỗi người tín đồ Cao Đài là phải thực hành để đạt cho được điều Ôn Trên gọi là “*đạo pháp thuần chơn, huyền vi chứng đắc*”.

Công cuộc phổ độ lần thứ ba này của Đức Thượng Đế đang tạo ra thiên thời cho tất cả những ai quyết tâm tự thấp đuốc giải thoát:

Tu đi, một vốn mười lời

Nhà băng thượng giới Cha Trời dành cho.⁽⁵²⁾

Vậy thì đây, đây là cơ hội lớn lao nhất đối với bất kỳ một ai muốn làm giàu cho tài khoản tâm linh của mình hầu có thể chia sẻ sự giàu có ấy cho toàn thể vạn linh sanh chúng.

Bài nói chuyện tại

Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

15-4 Kỷ Sửu (09-5-2009)

⁽⁵²⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KHAI MINH ĐƯỢC ĐẠI ĐẠO?

*Nhân năng hoằng đạo. 人能弘道
Con người có thể làm cho Đạo phát triển lớn mạnh.*

Luận Ngữ 15:29

Nếu có dịp chứng kiến đại lễ Khai Minh Đại Đạo vào năm Bính Dần (1926), có lẽ đại đa số nhân loại đều cho rằng đó là sự ra đời của một tôn giáo. Không ít tín đồ Cao Đài cũng nghĩ rằng đó là lễ ra mắt tôn giáo Cao Đài trước nhân sanh.

Nhưng tại sao, trong toàn Đạo – từ các Đấng thiêng liêng cho đến con người – ngày lễ này lại được gọi là *Khai Minh Đại Đạo* (hay ngắn gọn hơn: *Khai Đạo*), chứ không gọi là Khai Minh đạo Cao Đài?

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Người vẫn tưởng Cao Đài tôn giáo
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương.⁽¹⁾*

Nói đến đạo Cao Đài là nói đến một tôn giáo mới được

⁽¹⁾ Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện (Vĩnh Long), 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

lập ra tại Việt Nam. Nhưng nói đến Đại Đạo, Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Đại Đạo không thời gian, không sau không trước, cũng không cự không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến.” ⁽²⁾

Như vậy, cái Đại Đạo được khai minh trong ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần vừa là tôn giáo Cao Đài, mà cũng vừa là cái bản thể bất biến vượt ra khỏi ngưỡng cửa Cao Đài, vượt ra khỏi mọi bối cảnh lịch sử cụ thể, và hiện diện ở tâm vóc nhân loại.

Cái bản thể đó vốn đã nằm sẵn trong lòng mỗi con người, nằm sẵn trong cuộc đời, nhưng từ lâu đã bị nhân thế quên lãng.

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Thượng Đế đến khai Đạo để giải tỏa lớp vô minh đang che lấp bản thể của con người, giải tỏa cái kho tàng quý giá đã chôn sâu trong đáy mộ của thể xác nghèo nàn đang khắc khoải rên siết trước ảo ảnh vàng son rực rỡ.” ⁽³⁾

Thế thì khai Đạo tức là “giải tỏa lớp vô minh đang che lấp” nhân tính, che lấp Thượng Đế tính.

Khai được cái Đạo trong lòng mỗi con người rồi cũng chưa đủ, mà còn phải minh cái Đạo này ra khắp hoàn cầu, nghĩa là phải thấp sáng ánh đuốc nhân bản cho rực rỡ trong mọi tầng lớp xã hội.

Đó là ý nghĩa của việc khai minh Đại Đạo.

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

⁽³⁾ Chơn Lý Đàn, 01-4 nhuận Giáp Dần (22-5-1974).

Tuy nhiên, hiểu ý nghĩa này là một việc, còn thực hiện được ý nghĩa này lại là một chuyện khác.

Chính vì vậy, bản thân những diễn biến quan trọng nhất của đại lễ Rằm tháng Mười tại chùa Gò Kén (Thiền Lâm Tự) là một thông điệp của Đức Chí Tôn về việc thực hành ý nghĩa khai minh Đại Đạo.

Muốn khai minh cho được Đại Đạo, chẳng phải cứ tổ chức lễ cho long trọng mà xong, nhưng phải có những con người Đại Đạo sống thực, biết chịu đựng mọi cái nghiệt ngã của cuộc đời mà vẫn có đủ một tâm chí uy hùng để thấp đuốc nhân bản khắp hoàn cầu.

Muốn có những con người để giao phó một sự nghiệp vĩ đại như vậy, thì phải tuyển chọn một cách công khai trước mắt nhân sanh, trước mặt trời đất. Và cuộc đại tuyển chọn này đã diễn ra bằng một đại thử thách vào giờ Tý Rằm tháng Mười năm Bính Dần (1926).

Hơn năm mươi năm sau thời điểm đó, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo giải thích:

“Lễ kỷ niệm năm xưa lần đầu tiên Khai Minh Đại Đạo, Thượng Đế Chí Tôn đã ban cho một phen thử thách lớn lao để phân định nhơn tâm mà hoằng khai Đại Đạo. Những môn đệ đầu tiên đã quyết tâm lập thành cơ cứu cánh,⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ *Cứu cánh* 究竟: Cứu là sau cùng; cánh là xong tất, hoàn thành. Người Trung Quốc dịch *Ba la mật đa* 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Hán là *đáo bỉ ngạn* 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác), cũng dịch là *cứu cánh* 究竟. Thế nên hai chữ *cứu cánh* còn có nghĩa là giải thoát luân hồi sanh tử (*free*

chấp nhận vượt qua mọi chương ngại gian lao, mới được Chí Tôn ban trao sứ mạng quyền pháp trong Tam Kỳ Phổ Độ trên mảnh đất loạn ly này.” ⁽⁵⁾

Xem ra, ngày lễ Khai Minh Đại Đạo là một biểu tượng mang tính chất ý thức hệ cho một điều quan trọng hơn: Người tín đồ Cao Đài phải thật sự khai minh được Đại Đạo trong lòng mình, và người hướng đạo Cao Đài phải thật sự khai minh được Đại Đạo trong mỗi cộng đồng nhân sanh.

Chư Tiền Khai Đại Đạo nhắc nhở:

“Này các em! Thượng Đế đến khai minh Đại Đạo đã là một hy hữu, mà vấn đề hoát khai Đại Đạo để cứu độ vạn linh là một hy hữu khác.” ⁽⁶⁾

Nếu chúng ta, những tín đồ Cao Đài, không biến được ý nghĩa của ngày Khai Minh Đại Đạo thành sự thật, thì dù có bao nhiêu kỳ lễ Khai Minh Đại Đạo trôi qua – tám mươi năm, chín mươi năm, hay một trăm năm – thì Đại Đạo vẫn chưa hề được khai minh một cách đúng nghĩa cho dân tộc Việt Nam và cho toàn nhân loại.

Vào năm Bính Dần (1986), khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tròn sáu mươi năm, Đức Lý Giáo Tông bộc lộ tâm tư:

“Chư đệ muội có nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn năm Bính Dần (1926) không? Đạo phát chậm trễ một ngày là có hại cho nhân sanh một ngày. Lời dạy đã sáu mươi năm qua

from samsara). [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Mậu Ngọ.

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

mà vẫn còn giá trị và ý nghĩa. Mỗi lần lễ Khai Minh Đại Đạo là mỗi lần Bản Đạo càng thêm trách nhiệm nặng nề...” ⁽⁷⁾

Mùa Khai Minh Đại Đạo mỗi năm lại về với chúng ta trong không khí lễ hội trang trọng và đầm ấm. Con cái của Đức Chí Tôn dù đang ở Hội Thánh nào hay thánh sở nào, cũng dành cho ngày đại lễ này một tình cảm đặc biệt. Khi tâm hồn của người đạo đã quy tụ trong một tinh thần chung như vậy, thì đây, đây chính là dịp mỗi năm chỉ có một lần để chúng ta nắm bắt thời cơ mà *“tân tạo mạch sống uy hùng và vĩ đại cho Đại Đạo.”* ⁽⁸⁾

Muốn vậy, hãy khơi cho bùng lên những ngọn đuốc sáng. Trong mỗi tư tưởng và lời nói, trong mỗi đạo sự dù lớn hay nhỏ, hãy thấp sáng ánh đuốc của chính mình. Rồi hãy truyền cảm, hãy truyền lửa cho mọi người để thấp sáng thêm nhiều ngọn đuốc khác.

Đừng vô tình làm tắt một ngọn đuốc nào. Mà hãy tiếp sức cho nhau, mỗi lửa cho nhau, giữ gìn ngọn lửa cho nhau, làm cho toàn cơ Đạo bùng sáng, và ý thức sứ mạng của dân tộc được chọn bùng sáng.

Nếu không có sự truyền cảm và truyền lửa này, dù Thượng Đế có ban cho chúng ta những lực lượng hùng hậu gồm bao nhiêu người tài đức đi nữa thì tất cả cũng nhanh chóng trở thành những tập thể rời rạc, phân tán và thiếu sức

⁽⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Bính Dần.

⁽⁸⁾ Chư Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

sống. Mà đã vậy thì chỉ còn là chuyện mạnh ai nấy tu, chứ chẳng bao giờ có được chuyện hoằng khai Đại Đạo thành quốc đạo của Việt Nam hay thành “*một thực thể Đạo thuần chánh để cứu thế*”⁽⁹⁾ trên khắp hoàn cầu.

Thế nên, người hành đạo và hướng đạo trong Kỳ Ba này phải *thấp được lửa* mới tập hợp được con người, mới quy tụ được nhân tâm, mới tổ chức được nhân lực. Và bất kỳ tập thể nào mà bầu nhiệt huyết được nuôi dưỡng bằng một ngọn lửa như vậy cũng sẵn sàng xả thân vì lý tưởng Đại Đạo.

Có như vậy, chúng ta mới khai minh được Đại Đạo.

*Mùa Khai Minh Đại Đạo
Kỷ Sửu (2009)*

⁽⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Mậu Thân - Kỷ Dậu (1968-1969)*, tr. 110.

MÙA XUÂN TRONG THỂ NHÂN HÒA

*Xuân, xuân đến, muôn phần nô nức
Xuân là chi vạn vật đón chờ
Xuân về có rượu có thơ
Có câu chúc tụng, có giờ nghỉ ngơi.^(1a)*

Cứ mỗi độ xuân về, nhân thế lại rộn ràng đón xuân. Chẳng mấy ai thắc mắc rằng xuân là gì mà mình phải đón. Dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đón, đón một cách tự nguyện, chân thành, thiết tha, nồng nhiệt. Thế nhưng, *xuân là chi vạn vật đón chờ?*

Nếu hiểu được bản chất của xuân thì không chỉ đón xuân và thưởng xuân, chúng ta còn có thể tạo ra được một mùa xuân mà nhà nhà đều mong đợi: *Mùa xuân trong thể nhân hòa.*

1. XUÂN LÀ GÌ?

*Xuân là cảnh thiên thời địa lợi
Có nhân hòa, xuân mới thành xuân
Năm qua tháng lại vô ngần
Biết xuân, thưởng được ngày xuân huy hoàng.^(1b)*

Đời sống của con người có hai phần: Phần bên ngoài là

những giao tiếp với ngoại giới; phần bên trong là những hoạt động của nội tâm.

Đối với *đời sống bên ngoài*, xuân chỉ là một mùa trong bốn mùa, do sự vận hành của trời đất.

Nhưng đối với *đời sống bên trong*, xuân là một trạng thái nội tâm, do sự hòa hiệp của con người. Trời đất dùng cảnh vật để vẽ nên nét xuân; nhưng chính con người phải dùng nhân hòa để tạo thành hồn xuân. Có nhân hòa trong cảnh xuân, thì nét xuân mới có hồn, và mùa xuân mới hiện hữu sống động trong cảm xúc của nhân thể.

Hiểu rõ điều này nên vào dịp Tết, người Việt thường tạo ra bầu không khí đầm ấm bằng những buổi sum họp gia đình hoặc cộng đồng; sum họp để dưỡng nuôi mối giao hòa với các bậc tổ tiên trong quá khứ, sum họp để thắt chặt tình hòa ái giữa những con người ở hiện tại, sum họp để đồng cảm nhau trong từng ước vọng tương lai.

Trải qua hàng ngàn năm ăn Tết giữa bao thăng trầm của lịch sử, sự sum họp đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng của nhân hòa trong tâm thức Việt Nam.

Có những gia đình chỉ thật sự sum họp được vào đúng một ngày cuối năm, ngày ba mươi Tết, và chỉ để cùng nhau hối hả dọn dẹp nhà cửa, cùng nhau lăng xăng làm cơm cúng ông bà, cùng nhau tất bật chuẩn bị vài thứ bánh mứt cho mấy ngày Tết.

Trong cái “cùng nhau” đó, ai nấy tuy bận rộn túi bụi, miệng cứ kêu trời vì làm hoài không hết việc, nhưng nét mặt luôn sung sướng tươi vui vì thấy những giây phút sum

họp ấy cực kỳ quý báu.

Đến khi sang mừng một, mừng hai, mỗi người lại phải đi một ngã vì chuyện này chuyện nọ... Đối với những gia đình như vậy, cái ngày có không khí xuân nhiều nhất là ngày ba mươi Tết. Vì đó là ngày của chữ hòa, ngay cả khi hòa với nhau để cùng làm việc quần quật như bị nhồi quả từ sáng tinh mơ cho đến sát giờ giao thừa.

Vào những ngày Tết, nếu chẳng may xảy ra chuyện bất hòa đến mức lời qua tiếng lại trong gia đình hay chòm xóm thì coi như mất sạch cả cái Tết, tuy rằng én vẫn bay lượn rợp trời và mai vẫn nở đầy trước ngõ. Cảnh xuân do thiên thời địa lợi chẳng có cách nào bù đắp được những nỗi buồn do bất hòa.

Cái kinh nghiệm hết sức Việt Nam này giúp chúng ta hiểu vì sao Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: *Có nhân hòa, xuân mới thành xuân.*^(1c)

Về bản chất, xuân chính là hòa, và mùa xuân chính là mùa nhân hòa. Không nhân hòa thì xuân đành chịu thất mùa, mặc dù ngoại cảnh vẫn còn đủ những thiên thời và địa lợi của một mùa xuân.

Vậy thì đón xuân là đón cái gì?

Sâu thăm trong tiềm thức nhân gian, đón xuân là đón bầu không khí nhân hòa. Có người đã tìm thấy được nó qua những giờ phút ngắn ngủi của những buổi sum họp đầm ấm; cũng có biết bao người chỉ đón chờ trong hy vọng mà

(1a,b,c) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

chưa bao giờ biết được nó.

Nhưng dẫu thuộc trường hợp nào đi nữa, tâm lý mong chờ xuân đến luôn thể hiện những khao khát của con người đối với đời sống nhân hòa; không chỉ là nhân hòa trong thời gian của một mùa xuân hay trong không gian của một cộng đồng, mà trong mọi không gian, thời gian của cuộc sống.

Ở thời hạ nguồn mặt kiếp, những khao khát này phản ánh nổi bất lực của nhân loại trước sự phân hóa của thế giới hiện nay. Chẳng một ai muốn sống trong một xã hội bất hòa, dù là một gia đình bất hòa hay một khu vực địa lý bao gồm các quốc gia bất hòa. Vậy mà cả thế giới lại lún sâu trong tình trạng phân hóa cùng cực, và cả nhân loại đang đứng trước nguy cơ tự diệt vong vì những tham dục bạo tàn.

Quả là một mùa đông thê lương của lịch sử nhân loại: Khắp nơi, sự chia rẽ đều đẽ bẽp nhân hòa và chằm ngòi cho cơ tận diệt. Đó là chưa kể đến những thiên tai, dịch bệnh cứ dồn dập xảy ra. Những mùa xuân của ngoại cảnh mà mọi người nô nức đón chờ hàng năm hoàn toàn không cứu vãn được tình hình. Nên vào những dịp xuân của thời khai Đạo, Đức Chí Tôn từng than:

“Ôi! Xuân tàn, xuân đến. Cái xuân của người đã sắp lụn hao, mà rồi cái xuân của trời đất, nước non cũng chưa chắc là vô cùng vô tận.” ⁽²⁾

May mắn thay cho chúng ta, Đức Chí Tôn đã khai Tam

⁽²⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển 2. Đan ngày 10-02-1929.

Kỳ Phổ Độ để làm mầm mống phục hồi thế giới. Thầy dạy:

“Thầy mở cơ tận độ Kỳ Ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật.” ⁽³⁾

Thông qua cơ cứu độ Kỳ Ba, Thầy trao cho nhân loại một quyền pháp có thể làm cho *“đông thành xuân, phạm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng”* ⁽⁴⁾ để lập đời thượng nguyên thánh đức.

Đời thánh đức là một mùa xuân mà đạo Cao Đài phải tạo ra vì sự sinh tồn của nhân loại, giúp nhân loại thoát khỏi mùa đông hạ nguyên mạt kiếp. Và vì xuân chỉ có thể là nhân hòa, nên muốn đem mùa xuân thánh đức đến nơi nào, người Cao Đài phải tạo ra được thế nhân hòa ở nơi đó.

Thế nhân hòa là một khái niệm được giáo lý Cao Đài sử dụng để chỉ một xã hội nhân hòa mẫu mực, được xây dựng theo ba tiêu chuẩn: *nhân bản, an lạc và tiến bộ*.

Xã hội nhân hòa này có khả năng cải thiện mọi xã hội khác bằng cách làm gương thông qua những kết quả thực tế mà mình đã đạt được, khiến cho mọi xã hội đều quyết tâm noi theo và dần dần trở thành các xã hội nhân hòa.

Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên dạy:

“Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến

⁽³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

⁽⁴⁾ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

bộ.”⁽⁵⁾

Trong đường lối tạo thể nhân hòa của Đại Đạo, ba tiêu chuẩn nhân bản, an lạc và tiến bộ đóng vai trò quan trọng như nhau; chúng bổ sung qua lại để tạo ra sự quân bình cho xã hội. Những nỗ lực từng bước nhằm đạt được trọn vẹn cả ba tiêu chuẩn này sẽ giúp xã hội tiến dần tới nhân hòa. Do đó, ba tiêu chuẩn này được ví như ba chân vạc của thể nhân hòa.

Mùa xuân trong thể nhân hòa là mùa xuân thánh đức mà người Cao Đài phải cùng nhau gây dựng để thể hiện tác năng bảo tồn của cơ tái tạo. Nhưng muốn lập được đời thánh đức cho toàn nhân loại ở ngày mai, thì ngay từ hôm nay, người Cao Đài phải đem lại được mùa xuân thánh đức cho thánh sở của mình, hay ít nhất, cho bộ phận thi hành đạo sự mà mình đang tham gia trong thánh sở ấy. Đây là một sứ mạng cao cả của người Cao Đài, không chỉ với tư cách là con cái của Đức Thượng Đế mà còn với tư cách là dân tộc Việt Nam.

Và muốn vậy, phải xây dựng được thể chân vạc *nhân bản - an lạc - tiến bộ*.

2. XUÂN NHÂN BẢN

Trong một mùa xuân đúng nghĩa, mỗi người đều cảm nhận được sự ấm cúng qua những tình cảm thiêng liêng mà cộng đồng của mình đem lại, khiến cho ai nấy đều thấy gần bó hơn với cộng đồng. Tình cảm thiêng liêng này là sự hòa

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

quyện giữa tình thương yêu, niềm tự hào, tinh thần tập thể và ước nguyện phụng sự. Đó là một tình cảm bẩm sinh, kết nối những cá nhân thành xã hội và làm thành nền tảng cho đạo đức xã hội. Giáo lý Cao Đài gọi đó là *nhân bản*.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Mọi sinh hoạt hãy nhắm vào nhân bản, vào tình cảm thiêng liêng mà Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho mỗi con người.” ⁽⁶⁾

Nhân bản là bản thể của con người, nghĩa là cái mà nhờ đó, chúng ta làm nên được những giá trị cao cả của một con người nơi bản thân mình và sống với những giá trị này như một con người đích thực.

Trong đời sống cá nhân, bản thể ấy là nhân tính (tính người). Sự phát huy bản thể ấy qua những sinh hoạt hàng ngày của mỗi chúng ta sẽ quyết định trình độ *làm người*, và do đó, mức độ *nên người* mà chúng ta thật sự đạt được. ⁽⁷⁾

Trong đời sống xã hội, nhân bản là tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội. ⁽⁸⁾

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

⁽⁷⁾ Ở đây, khái niệm *làm người* được lấy từ nội dung của yếu điểm giáo lý *Sứ Mạng Vi Nhân* (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr. 181).

Khái niệm *nên người* được lấy từ câu thơ *Nên ta, nên đạo, mới nên người*. (Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.)

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo*, tr. 222.

Những giá trị cao cả như *vong kỷ* (đẹp đi cái riêng tư của mình), *vô ngã* (bỏ đi cái tôi tầm thường của mình), *xả thân* (sẵn sàng nhận hết mọi bất lợi về phần mình) hay *thương yêu tha nhân* (sẵn sàng cống hiến cho đại chúng) được gọi là những giá trị nhân bản, bởi vì chúng bộc lộ nhân tính rõ rệt đến mức không thể nhầm lẫn với một tính chất nào khác.

Nhân bản đóng vai trò chân vạc đầu tiên của thể nhân hòa. Nếu tình thương yêu tha nhân lớn đến mức chúng ta có thể xả thân, dẹp bỏ những cái riêng tư của mình, sẵn sàng nhận hết mọi bất lợi về phần mình, thì tình thương ấy đã phát triển được đến cực điểm. Mà khi đạt đến cực điểm, tình thương ấy chính là hòa.

Theo lời Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy, chúng ta hiểu rằng hòa “là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc.”⁽⁹⁾

Vì vậy, nhân bản là cốt lõi của nhân hòa. Ai phát huy được những giá trị nhân bản trong đời sống xã hội, người đó sẽ phát huy được nhân tính trong đời sống cá nhân của mình. Ngược lại, càng phát huy được nhân tính nơi bản thân thì càng làm gia tăng những giá trị nhân bản của xã hội. Làm được điều này, dù trong bất kỳ một xã hội lớn hay nhỏ nào, tức là đã góp phần xây dựng nền tảng nhân hòa

⁽⁹⁾ Thánh thất Nam Thành, 10 3 Mậu Thân (07-4-1968).

cho toàn thế giới.

Xã hội nào cũng ngưỡng vọng những giá trị nhân bản. Tuy nhiên, nếu quan sát những xã hội hiện đại chung quanh mình, chúng ta hiếm khi thấy được những giá trị đó trên thực tế. Bởi lẽ, các xã hội hiện đại đang gặp phải một căn bệnh chung mà giáo lý Đại Đạo gọi là *vong bản* (mất gốc).

Để cứu chữa, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

“Chính vì vậy, thế nhân hòa phải tạo lập lại các giá trị nhân bản, đưa con người trở về với đời sống hợp nhân tính đơn thuần” ^(10a)

Mọi xã hội, dù ngoài đời hay trong đạo, nếu không phát triển dựa trên các giá trị nhân bản (nghĩa là không dựa trên tình thương dành cho đại chúng) thì tất cả đóng góp của cá nhân và tập thể dù đầy thiện chí cũng đều mang đến những tác dụng vô cùng tiêu cực.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Hiếu biết, hành động, phục vụ, phụng sự mà không nằm trong nhân bản sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội.” ^(10b)

Để thấy được lý do của điều này, chúng ta hãy nhìn vào thực tế.

Con người (như Thượng Đế đã sinh ra) ai cũng có tình thương trong bản thể. Tuy nhiên, đối với những người không biết thương yêu đại chúng, họ sẽ tự động dành hầu hết tình thương ấy cho bản thân mình. Điều này khiến họ

^(10a,b) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

yêu cái tôi phạm tục của mình một cách si mê. Họ cũng sẵn lòng dành một ít còn thừa lại của tình thương ấy cho những đối tượng mà cái tôi phạm tục của họ đòi hỏi; ví dụ, cho những cá nhân, những phe nhóm, hay những tầng lớp xã hội mà họ cần đến để thỏa mãn những dục vọng của mình.

Rốt cuộc, trong một xã hội thiếu tình thương dành cho đại chúng, chúng ta luôn thấy sự hiện hữu của những cá nhân, phe nhóm, tầng lớp chỉ biết đặt cái ích kỷ của mình lên trên hết. Xã hội sẽ ngày càng bị lún sâu vào những sinh lây của sự chia rẽ và bất hòa.

Đó là điều mà Đức Lê Đại Tiên gọi là *hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội*.

Vì vậy, không ai có thể trở thành người có ích đối với xã hội nếu như trước đó chưa trở thành con người nhân bản.

Chỉ khi vứt bỏ được cái tôi tầm thường của mình đi, con người mới có thể đặt lợi ích của cộng đồng lên trên lợi ích của cá nhân, hy sinh bản thân để phục vụ cho đại chúng. Nên vào thời kỳ mới khai Đạo, nhân mùa xuân Kỷ Tỵ (1929), Đức Chí Tôn dạy:

“Các con nếu biết vì đời mà khổ tâm, biết giày vò vì tình thế, biết chịu kém sút trong nẻo lợi đường danh, biết thiệt mình màặng cho kẻ khác, biết đổ lụy cho kẻ khác vui cười, biết nhọc nhằn trong kế sinh nhai, biết giữ tâm chí cho thanh bạch, đừng như bọn của chẳng nên dùng, biết động mối thương tâm, thương người hơn kẻ mình, thì là các con được tắm gội hồn trong mà về cùng Thầy đó.” ⁽¹¹⁾

⁽¹¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển 2. Đan ngày 10-02-1929.

Nếu thực hành được lời dạy này, tất cả người Cao Đài sẽ trở nên con người nhân bản, sẽ phát huy được chí hy sinh mà đem mùa xuân nhân bản đến cho đạo và cho đời, cho thánh sở của mình và cho toàn thể nhân loại.

3. XUÂN AN LẠC

Trong không khí náo nức của những ngày đầu năm, người ta thường chúc nhau một năm mới vui vẻ. Gắn liền với sự toại nguyện, niềm vui là cái luôn được mong đợi từ mỗi mùa xuân. Thế nên, mùa xuân trong thể nhân hòa không thể thiếu được sự an lạc.

Là chân vạc thứ hai của thể nhân hòa, an lạc phải được đưa vào đời sống hàng ngày. Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Nếu chưa được [an lạc] thì không thể gọi là nhân hòa thực sự.” ⁽¹²⁾

An lạc là niềm vui của một nội tâm yên tĩnh. Niềm vui này có được do con người biết giữ cho tâm mình tự chủ, không để ngoại cảnh ảnh hưởng hay tha lực tác động.

Trong mùa xuân an lạc, ta vui không phải vì nắng xuân, gió xuân, tiệc tùng ngày xuân hay giải trí đầu xuân, mà ta vui vì tâm ta tự chủ trong mọi tình huống của cuộc đời. Khả năng tự chủ của tâm trước ngoại cảnh và tha lực được gọi là *yên tĩnh*.

Đối với đạo Cao Đài, Thầy dạy:

“Sự yên tĩnh và sự hòa bình là hai điều Thầy dụng mà

⁽¹²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

gieo mối Đạo.”⁽¹³⁾

Thế nên, duy trì sự yên tĩnh của nội tâm là một bản lĩnh quý báu mà mỗi tín đồ phải rèn luyện.

Đứng trước những vô thường của thế gian, nội tâm có yên tĩnh thì con người mới hy vọng giải thoát được mình ra khỏi cái tôi phạm tục của chính mình, và từ đó, thoát khỏi mọi chi phối khác ở thế gian.

Sống một đời sống tự chủ như vậy, tâm hồn sẽ thanh thản an nhiên, phong cách sẽ thung dung tự tại. Đó là những biểu hiện của tâm trạng hài lòng về đời sống của mình. Và sự hài lòng này tự nó là niềm vui.⁽¹⁴⁾ Nội tâm càng yên tĩnh bao nhiêu thì niềm vui này càng bền vững bấy nhiêu.

An lạc có liên hệ với nhân hòa như thế nào?

Vì không bị trói buộc trong cái tôi phạm tục nên an lạc là một niềm vui vô ngã.

Một khi đạt được an lạc, tâm hồn con người sẽ tự mở cửa cho niềm vui ấy lan tỏa đến mọi người chung quanh và trở thành một niềm hòa ái tự nhiên.

Ngược lại, không có niềm vui này trong tâm hồn, sẽ không có cách nào hòa được với người khác. Đây là điều chúng ta có thể kiểm nghiệm được: Những lúc buồn bực người ta hay gây nên những bất hòa vô cớ với người khác;

⁽¹³⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển 2. Đan ngày 03-03-1927.

⁽¹⁴⁾ Xem bài *Niềm Vui Theo Quan Niệm Đạo Cao Đài*, in trong tập sách này.

còn khi vui vẻ mọi người lại dễ hòa thuận với nhau hơn.

Tuy nhiên, trong bảy trạng thái tình cảm của cái tôi, có:

- Hai trạng thái tự chúng là sự buồn bực: giận (*nộ*) và buồn (*ai*);

- Hai trạng thái khác chứa đựng một phần buồn bực do bản chất tâm lý của chúng: ghét (*ố*) và sợ (*cụ*);

- Ba trạng thái còn lại đều có thể bị chuyển hóa ngay lập tức thành sự buồn bực nếu chúng không được thỏa mãn hoàn toàn: thương (*ái*), mừng (*hỷ*) và vui (*lạc*).

Hầu hết những niềm vui mà chúng ta thường thấy hàng ngày đều là niềm vui giả tạm, chúng có thể đem đến những đợt hòa thuận ngắn ngủi; và khi đợt hòa thuận này đi qua, không biết bao nhiêu đợt bất hòa khác lại có nguy cơ ập tới.

Chỉ có sự an lạc, tức là niềm vui xuất phát từ sự bình an của tâm hồn hay sự thanh tịnh của nội tâm, mới có đủ quyền năng tạo ra một sự hòa ái bền vững trong mọi mối quan hệ xã hội.

Người an lạc tuy ung dung thanh thản nhưng không bao giờ cầu an, tìm kiếm sự rồi rã cho bản thân, né tránh những trách nhiệm nặng nề đối với đại chúng.

Sẵn sàng cực lòng nhọc trí trong việc xây dựng đời sống nhân hòa cho thiên hạ nhưng vẫn không đánh mất sự yên tịnh của nội tâm, người an lạc chẳng mảy may vướng bận vào những danh, lợi, chức, quyền, nếu như không xem chúng là những thứ làm nhuốc nhơ nhân cách.

Phần thưởng lớn lao nhất đối với người an lạc là biết rằng mọi nỗi cực nhọc của mình đều đem lại ích lợi cho muôn người. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Ôi! Các bậc Thánh Nhân ngày xưa ăn cơm hẩm, co tay gối đầu, quanh năm suốt tháng không giờ phút nào mà tâm tư không nghĩ đến việc lợi ích cho thiên hạ, cho nước cho dân, cho đời bình trị.

Trong khoảng thời gian dài đằng dặc, họ đã lê gót khắp đông tây nam bắc, trải qua nhiều thử thách gian lao, ê chề ngao ngán, nhưng tâm chí họ vẫn kiên trì để lập thành cái chủ thuyết khi họ rời bỏ cõi đời tạm bợ này.

Suốt một cuộc đời như vậy, họ không bao giờ đem tâm trí họ để vào những chi tiết nhỏ nhặt quanh mình, vì họ không thích đồ danh trục lợi,⁽¹⁵⁾ nhưng họ cũng vẫn không thiếu thốn gì cả. Luật Tạo Hóa đã bù trừ cho họ an bài, cuối cùng họ là một cánh chim hạc bay vút từng mây để lại cho muôn đời phải tôn sùng chiêm ngưỡng cái chủ thuyết gọi là Thánh Nhân.”⁽¹⁶⁾

Qua những tấm gương Thánh Nhân ngày xưa, sự an lạc có một đặc tính kỳ lạ: Nó làm giàu cho con người theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Người an lạc cảm thấy đời sống của mình đầy đủ về cả vật chất lẫn tinh thần, hoàn toàn không phải vì sở hữu một tài sản vật chất hay một quyền

⁽¹⁵⁾ Đồ danh trục lợi 圖名逐利: Đồ và trục đều có nghĩa là chạy theo, đeo đuổi (to pursue, to chase). Đồ danh trục lợi là chạy theo danh lợi. [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Tân Hợi (04-9-1971).

lợi tinh thần nào, nhưng vì làm chủ được nhu cầu của mình và đạt được sự toại nguyện tự thân. Cảm giác đầy đủ đó khiến họ luôn muốn chia sẻ những gì tốt đẹp mà mình đang có cho tha nhân. Do đó, họ dễ dàng thu phục được thiện cảm của tha nhân, và tha nhân cũng vì thiện cảm ấy mà sẵn sàng hòa với họ.

Qua những thực tế trái ngược lại của ngày hôm nay, những người không đạt được sự an lạc luôn thấy mình thiếu thốn đủ thứ. Tài sản, danh tiếng, chức tước, quyền lực, địa vị xã hội, sự kính trọng của người khác, hạnh phúc của bản thân... cái gì họ cũng có thể thấy thiếu. Không hẳn vì họ không có những thứ đó trong tay, mà vì họ bị những dục vọng ích kỷ không giới hạn điều khiển liên tục. Cảm giác thiếu thốn này khiến cho họ luôn khao khát đòi hỏi ở tha nhân. Mà nếu cứ đòi hỏi ở tha nhân, họ sẽ tạo ra ác cảm nơi tha nhân, vì trên đời này ai cũng thấy khó chịu đối với những kẻ luôn đòi hỏi. Bằng việc tạo ra ác cảm, họ đã tạo ra những bất hòa.

Như vậy, sự an lạc có tác dụng định hướng lại những nhu cầu và ước muốn của con người. Một mặt, nó giúp con người từ bỏ khuynh hướng đòi hỏi ở tha nhân hòng thỏa mãn cá nhân mình, nghĩa là từ bỏ khuynh hướng tạo ra bất hòa. Mặt khác, nó thúc đẩy con người nỗ lực mưu cầu hạnh phúc cho thiên hạ, nghĩa là thúc đẩy nỗ lực tạo ra nhân hòa. Hai điều này kết thúc mọi mâu thuẫn trong nhu cầu và ước muốn của một xã hội.

Vì vậy, trong mùa xuân của thế nhân hòa, Đức Lê Đại Tiên dạy: *“Thế nhân hòa không những tạo sự an định vững*

vàng cho nhân loại, ngoài ra, còn phải bắt buộc đưa sự an lạc vào cuộc sống sinh tồn cho nhân thế.” (17a)

4. XUÂN TIẾN BỘ

Tiến bộ là chân vạc thứ ba của thể nhân hòa.

Chân vạc thứ nhất, *nhân bản*, liên quan đến đạo đức và tình thương. Chân vạc thứ hai, *an lạc*, liên quan đến hạnh phúc, bình an và thuận hòa. Hai yếu tố *nhân bản* và *an lạc* rất tốt đẹp nhưng chưa đủ. Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Đạo đức thương yêu, hạnh phúc an hòa chưa đủ cho một xã hội thực thể. Điều mà trong thế nhân hòa phải có là sự tiến bộ.” (17b)

Trong ngày tết cổ truyền, người Việt thường mặc những bộ đồ mới để đón xuân. Bộ đồ mới tượng trưng cho sự mới mẻ trên mọi phương diện của đời sống tương lai. Hành động mặc đồ mới một cách đồng loạt vào đầu năm tượng trưng cho việc tự đổi mới bản thân để cùng nhau đổi mới toàn xã hội. Hành động đó thể hiện niềm hy vọng về sự tiến bộ của cá nhân và cộng đồng.

Tiến bộ là gì? Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Sự tiến bộ là sự hoàn hảo hóa theo thời gian....” (17c)

Đó là sự hoàn hảo hóa theo thời gian trên mọi phương hướng của nhân sinh và tâm linh. Nếu chỉ tiến bộ trên vài hướng nào đó của đời sống, ví dụ như chỉ tiến bộ về mặt khoa học hay kinh tế mà bỏ quên đạo đức và tâm linh, thì đó chưa thật sự là tiến bộ, mà có khi còn tạo ra sự mất quân bình khiến cho xã hội bị suy thoái ở tổng thể.

Mùa xuân trong thể nhân hòa phải đem đến cho cá nhân và xã hội sự tiến bộ toàn diện. Muốn đạt được những mục tiêu chung hôm nay và ngày mai, mọi thành viên của một tập thể phải có khả năng phối hợp với nhau trong nhận thức và cộng tác với nhau trong hành động.

Nhưng để có được khả năng này, theo lời Đức Lê Đại Tiên, thì: *“Trên bất cứ một cương lĩnh sinh hoạt nào cũng thế, sự tiến bộ phải luôn luôn được nêu lên.”* ^(17d)

Mỗi bước tiến bộ của tập thể đều nâng cao thêm giá trị cho cá nhân; mỗi bước tiến bộ của cá nhân đều tích lũy thêm giá trị cho tập thể. *“Có như vậy, giá trị tập thể mới mong càng ngày càng cải thiện, càng un đúc trong hiện tại và hướng thượng ở tương lai.”* ^(17e)

Nhưng làm thế nào để thúc đẩy sự tiến bộ đồng loạt trong tập thể? Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Chính sự giáo dục đã phải đảm nhiệm [vai trò] quan trọng trong thể nhân hòa.” ^(17f)

Trong nghệ thuật lãnh đạo hiện đại, để giảm thiểu những nguy cơ xuất hiện mâu thuẫn trong một tổ chức, đội ngũ lãnh đạo phải có trách nhiệm giáo dục tổ chức của mình bằng những chương trình và hình thức thích hợp.

Ví dụ như chương trình giáo dục về văn hóa của tổ chức (*organizational culture*), giúp mọi người hiểu cách hành xử và cách làm việc với nhau một cách hòa thuận, khoa học và hiệu quả. Chương trình này làm cho mỗi người đều tự cảm

(17a,b,c,d,e,f) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

thấy hãnh diện khi mình đối xử thân thiện với đồng nghiệp, cũng như tự cảm thấy hổ thẹn khi lỡ tạo ra một sự bất hòa trong tổ chức.

Đây không phải là chuyện viễn tưởng. Nhiều công ty đa quốc gia đã có chương trình này. Các nhà quản lý của họ đã dựa vào đó để huấn luyện nhân viên của mình thông qua các công việc hàng ngày và đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Người Cao Đài hoàn toàn có thể bắt chước và áp dụng để tạo thể nhân hòa trong sứ mạng phổ độ Kỳ Ba.

Đức Lý Giáo Tông từng đặt vấn đề với người tín đồ Cao Đài:

“Văn minh nhơn loại đang cực kỳ tiến bộ, loài người phát triển đến cao độ; tuy chưa đạt đến chỗ thay Tạo Hóa vận hành vũ trụ, nhưng con người đã vận dụng, phát huy cái năng lực vô cùng, cái trí tuệ siêu việt được phú bẩm từ Chí Tôn Thượng Đế. Nhìn lại nội bộ Cao Đài, chư hiền đệ, hiền muội có suy nghĩ gì không?” ^(18a)

Dĩ nhiên là Ngài muốn toàn thể nội bộ Cao Đài phải thức tỉnh trong hồng ân của Thượng Đế mà tiến bộ, ít nhất là cho kịp với tốc độ tiến bộ của thế giới nếu không nói là phải nhanh hơn, để cứu độ nhân loại.

Đức Giáo Tông lại hỏi:

“Là những hàng môn đệ của Đức Chí Tôn Thượng Đế, chư hiền đệ muội được ban trao sứ mạng, được thọ nhận tân pháp Cao Đài, thế thì cái chỗ đạo pháp huyền vi chứng đắc của chư hiền đệ muội, hiện tại, là ở chỗ nào?” ^(18b)

Rồi Đức Giáo Tông trả lời giúp:

“Mỗi chư hiền đệ, hiền muội trong tôn giáo Cao Đài nói chung (...) nếu chưa đạt đến chỗ thông công trực tiếp cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế hay chứng đắc lực thông hoặc đắc đạo quả tại thế gian, thì cũng phải đạt được giá trị tâm linh siêu việt.” ^(18c)

Giá trị tâm linh siêu việt mà Đức Giáo Tông nêu lên ở đây có nghĩa là giá trị của đạo đức. Giá trị ấy phải toát ra từ bất kỳ tư tưởng, lời nói và hành vi nào của chúng ta:

“Mỗi chư hiền đệ muội phải thể hiện một tấm gương đạo đức; nhơn sanh nhìn vào cảm phục, yêu mến và vâng lời.” ^(18d)

Tiến bộ là động lực thúc đẩy con người hoàn hảo hóa một cách tự nhiên theo sự đi lên của xã hội. Sống trong một thế giới cực kỳ tiến bộ về trí tuệ như Đức Lý Giáo Tông đã nhận định, người Cao Đài có rất nhiều điều kiện thuận lợi để trở nên tiến bộ vượt bậc về công quả, công trình, công phu. Người Cao Đài phải biết tận dụng động lực này.

Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên dạy:

“Sự tiến bộ là phải làm thế nào cho con người của xã hội hoàn hảo một cách tự nhiên.” ^(19a)

Có như vậy, nhân hòa mới được hình thành và phát triển theo đà tiến chung của thế giới. Khi sự tiến bộ đã đạt đến mức mà nơi mọi người đều hình thành được thói quen chung sống thuận hòa, thì mùa xuân thánh đức sẽ đến và lịch sử sẽ không thể đảo ngược được nữa. Nếu có ai đó còn

(18a,b,c,d) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Đinh Sửu.

nghĩ đến những hành động bất hòa, họ cũng sẽ không đủ can đảm thực hiện. Vì sao? Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Nếu có một hành động xấu trái với tự nhiên, dù ai cũng không dám bắt tay vào đó, không phải vì sợ tội lỗi mà chính vì sự trái với tự nhiên của con người đã tạo lấy.” ^(19b)

5. NHỮNG LỜI CHÚC XUÂN NHÂN HÒA

Trong những giao tiếp đầu năm, lời chúc xuân là hương liệu tuyệt vời cho bầu không khí nhân hòa. Không quan trọng ở chỗ lời lẽ giản dị hay rườm rà, thật thà hay khách sáo, cũng chẳng quan trọng ở chỗ nội dung rập khuôn hay sáng tạo, thực tế hay viễn vông, việc chúc xuân là nghệ thuật lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Chính nhờ việc làm vừa lòng nhau này, lời chúc xuân trở thành một phương tiện độc đáo nhằm bày tỏ sự hiếu hòa.

Qua cơ bút Cao Đài, các Đấng thiêng liêng đã ban cho chúng ta nhiều câu chúc xuân nhân bản, an lạc và tiến bộ. Những câu chúc xuân này là những lời hướng dẫn ngắn gọn giúp chúng ta tạo được mùa xuân trong thể nhân hòa. Chẳng hạn, Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên chúc:

*Chúc tất cả, mọi người, mọi kẻ
Chúc nữ nam, già trẻ gần xa
Chúc cho vui cảnh vui nhà
Chúc cho trên thuận dưới hòa hanh thông.* ⁽²⁰⁾

^(19a,b) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

⁽²⁰⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

Đó là một lời chúc xuân an lạc. Bằng lời chúc nhẹ nhàng này, chúng ta nhắc nhau rằng sự yên vui và sự thuận hòa luôn đi chung với nhau. Muốn thuận hòa, cần đem đến niềm vui cho nhau trong mọi hoàn cảnh. Ngược lại, muốn luôn được yên vui, phải giữ nếp thuận hòa.

Cùng với lời chúc xuân an lạc, chúng ta hãy khơi lại những truyền thống đạo đức của dân Việt từ ngàn xưa và đưa chúng vào thế giới hiện đại qua những lời chúc xuân nhân bản:

*Chúc tỉnh quận, hương thôn, xóm ấp
Chúc đồng bào cùng khắp trong ngoài
Ruột mềm^(21a) thương lấy chân tay
Khỏi điều họa gởi tai bay bạo tàn.
Chúc nhân loại trần gian khác giống^(21b)
Quý trọng nhau mạng sống ở đời
Đại khôn vẫn cũng con người
Giàu nghèo vẫn cũng bầu trời thở chung.^(22a)*

Trong một cộng đồng, mọi người tuy khác biệt nhau về căn trí, nghiệp duyên, cá tính, sở thích, thói quen,... nhưng phải biết gắn bó với nhau thì cộng đồng mới tồn tại được.

^(21a) *Ruột mềm*: Do câu *Máu chảy ruột mềm*, để chỉ lòng nhân ái, niềm trắc ẩn.

^(21b) *Khác giống*: Do câu ca dao *Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*; dùng để chỉ bất kỳ sự khác biệt nào giữa con người với con người, ví dụ như khác biệt về chủng tộc, tín ngưỡng, văn hóa, giai cấp, thành phần, địa vị xã hội...

Mà muốn gắn bó thì phải thương yêu nhau. Lời chúc nhân bản nhắc mọi người vượt qua tất cả khác biệt để thương yêu và để gắn bó, cùng giải quyết những khó khăn chung, giúp mỗi người hoàn thành bổn phận của mình.

Bên cạnh lời chúc xuân nhân bản dành cho đồng bào và nhân loại, chúng ta sẽ dành riêng một lời chúc xuân nhân bản cho các bậc lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo trên đất nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới.

Lời chúc đặc biệt này của Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên cũng thể hiện nỗi mong đợi của các Đấng thiêng liêng đối với những hàng chức sắc, chức việc, các bậc sứ mạng thiên ân hướng đạo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*Chúc lãnh tụ khắp trong tôn giáo
Thế mạng Trời lãnh đạo tinh thần
Giáo truyền thức tỉnh nhân dân
Khởi điều kỳ thị ngã nhân chánh tà.*

*Cây Đại Đạo chia ra nhiều nhánh
Nếp một chum, làm bánh nhiều hình
Đạo đời tuy khác, nhân sinh
Đều do một Đấng Chí Linh tạo thành.*^(22b)

Lời chúc này kêu gọi các nhà lãnh đạo cùng nhau xóa bỏ óc kỳ thị của quần chúng, là lỗi suy nghĩ vị ngã vong

^(22a,b) Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

tha,⁽²³⁾ luôn mang nặng thành kiến, óc kỳ thị dẫn tới sự phân biệt đối xử và ngăn chặn mọi nỗ lực phục hồi nhân bản.

Đức Cao Triều Phát dạy:

“Những gì gọi là khuôn vàng thước ngọc, giáo điều đã quy định con người vào vị ngã vong tha. Những tác nhân đã xây đắp các con đường chướng ngại phân cách này, nếu không được những cánh tay uy hùng phá vỡ, các dòng sông nhân bản sẽ không đồng nhứt trùng hợp ở đại dương.”⁽²⁴⁾

Lãnh đạo tôn giáo dù ở bất cứ cấp bậc nào cũng là một vị trí thuận lợi để phá vỡ những tác nhân vong bản, góp phần phục hồi nhân bản cho cộng đồng xã hội mà mình đang diu dắt, đưa quần chúng trong cộng đồng trở về cội nguồn chung của nhân loại.

Bổ sung vào những lời chúc xuân an lạc và nhân bản, lời chúc xuân tiến bộ thể hiện những kỳ vọng về sự canh tân, mà trước hết là canh tân hiệu quả tu hành của người đạo:

*Chúc người đạo tu hành mau đắc
Đối xử nhau tự khắc chế mình
Luyện rèn tâm thánh minh linh
Nặng tình đạo đức, nhẹ tình thế gian.*^(25a)

Tự khắc chế mình là bí quyết để tiến bộ. Áp dụng bí quyết này, chúng ta thấy rằng mọi sự tiến bộ trong thế nhân

⁽²³⁾ *Vị ngã vong tha*: Chỉ biết đến mình mà không biết đến người khác.

⁽²⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỷ Dậu (07-6-1969).

hòa đều nằm ở những thành quả vững chắc trên thiên đạo giải thoát cũng như trên thế đạo đại đồng:

*Chúc những bậc tu đơn luyện mạng
Chúc những hàng tu tánh luyện tâm
Bảy tình sáu cửa vững cầm
Ngăn loài tà mị ngoại xâm quấy phiền.
Chúc những bậc thể thiên hoằng đạo
Chúc những hàng sĩ giáo phổ thông
Dang tay bắt nhịp cầu vòng
Gây tình huynh đệ đại đồng thế gian.*^(25b)

Tết năm nay, chúng ta hãy mang đến cho nhau những lời chúc nhân hòa này, để rồi cùng biến những ước vọng thanh cao đó thành những kết quả tốt đẹp trong thực tiễn.

6. VÀI DÒNG TẠM KẾT

Mùa xuân năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn khuyên toàn đạo: “*Dạy lẫn cho nhau dựng chữ hòa.*”⁽²⁶⁾ Lời khuyên tha thiết này được chép lại từ một bản *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* đã ố vàng vì năm tháng.

Gần chín mươi mùa xuân đã đi qua trong cơ đạo, và lại thêm một mùa xuân nữa đang về. Ngoài trời, cảnh xuân vừa chớm nhắc chúng ta rằng thiên thời và địa lợi của sứ mạng Kỳ Ba đã được an bài đầy đủ; *cái duy nhất còn thiếu*

^(25a,b) Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

⁽²⁶⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển 1. Đàn ngày 20-02-1926.

sốt trong sứ mạng này chỉ là nhân hòa và nhân hòa.

Hôm nay, mỗi chúng ta hãy kiên tâm tạo thể chân vạc nhân bản - an lạc - tiến bộ ngay từ phạm vi thi hành đạo sự cụ thể của mình. Ngày mai, mùa xuân nhân hòa sẽ đến, đến với cộng đồng Cao Đài, trên sông núi Việt Nam và trong tâm hồn nhân loại.

Sài Gòn, cuối đông Quý Tỵ (2013)

Bài nói chuyện tại

Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

15-12 Quý Tỵ (15-01-2014)

BẢN HỢP XƯỚNG GIỮA XUÂN TÂM VÀ XUÂN CẢNH

Khi những cơn gió lạnh đầu tháng Chạp thổi về, người Việt Nam chúng ta bắt đầu chuẩn bị đón xuân. Ở các làng quê, người ta chuẩn bị lá dong, gạo nếp, hành kiệu... để gói bánh và làm dưa. Ở những thành phố, người ta cũng vội vã kết thúc những công việc cuối năm để có thể ăn một cái Tết nhàn hạ. Trong bầu không khí xuân ấm cúng của người Việt, các tôn giáo vốn được du nhập từ những nền văn hóa khác cũng chia sẻ những xúc cảm về mùa xuân theo bản sắc văn hóa Việt Nam cổ truyền. Các chùa Phật Giáo thường mở cửa cho khách thập phương đến lễ Phật và xin lộc vào đêm giao thừa. Nhiều giáo xứ Công Giáo tổ chức thánh lễ Misa vào đêm giao thừa lẫn sáng mùng một; còn chiều mùng hai thì có thêm lễ ở nghĩa trang của giáo xứ để tưởng nhớ tổ tiên, và giáo dân có dịp thắp hương trên mộ những người đã khuất.

Đối với đạo Cao Đài – một nền đạo được khai sinh ngay trên đất nước Việt Nam và được xây dựng từ quốc hồn, quốc túy Việt Nam – mùa xuân là một chủ đề giáo lý hấp dẫn và gần gũi dành cho đại chúng. Bất kỳ một người Việt Nam nào cũng có thể tìm thấy nơi đạo Cao Đài một sự đồng cảm qua những trang giáo lý đầy ấp văn chương thi phú về mùa xuân. Không phải là những vần điệu tả cảnh tả

tình để thư giãn đầu năm, giáo lý về mùa xuân đóng một vai trò đặc biệt trong việc minh họa sống động cho sự hiện diện của Thiên Đạo trong nhân thế. Và hơn nữa, Đức Thượng Đế – Đấng khai minh Đại Đạo Cao Đài – còn dạy chúng ta:

“Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.

Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.” ⁽¹⁾

1. HÒA ĐIỀU GIỮA XUÂN CẢNH VÀ XUÂN TÂM

Trong giáo lý về mùa xuân của đạo Cao Đài, mới xem, chúng ta sẽ thấy có đến hai mùa xuân: một mùa xuân thông thường của ngoại cảnh, được gọi tắt là *xuân cảnh*; và một mùa xuân huyền diệu của nội tâm, được gọi tắt là *xuân tâm*.

Tuy nhiên, xuân cảnh mà thiếu xuân tâm thì chỉ là một quang cảnh vô thường giả tạm; còn xuân tâm mà thiếu xuân cảnh lại chỉ là những ý thức cao siêu của bậc tu hành. Muốn thưởng thức được một mùa xuân đúng nghĩa, phải có sự hòa hợp giữa xuân tâm của hồn người và xuân cảnh của

⁽¹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

thiên nhiên. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

*Xuân là cảnh thiên thời địa lợi
Có nhân hòa xuân mới thành xuân
Năm qua tháng lại vô ngần
Biết xuân thưởng được ngày xuân huy hoàng.⁽²⁾*

Xuân chỉ thật sự là xuân nếu có sự phối kết giữa xuân cảnh với xuân tâm. Khi trời đất khởi xướng mùa xuân trong cảnh vật, thì con người phụ họa lại bằng mùa xuân trong lòng mình. Rồi khi xuân tâm nơi con người phát khởi, thì cảnh vật trong trời đất cũng phụ họa theo và trở nên đẹp đẽ hơn, vui tươi hơn đối với con người. Đây là một chuỗi xướng họa liên tiếp nhau giữa xuân tâm và xuân cảnh: Khi xuân tâm khởi xướng thì xuân cảnh phụ họa; và rồi ngược lại, cứ như vậy mà diễn tiến một cách nhịp nhàng khoan nhặt qua những cung bậc trầm bổng khác nhau giữa tâm hồn con người và cảnh sắc vạn vật. Những khúc xướng họa giữa xuân tâm và xuân cảnh như vậy sẽ tạo nên những hòa điệu hoành tráng giữa trời đất và con người. Những hòa điệu này làm nên bản hợp xướng mà ta gọi là mùa xuân.

Trong một bản hợp xướng, thường có nhiều bè được phân chia theo âm vực của chất giọng: nữ cao (*soprano*), nữ trung (*alto*), nam cao (*tenor*), nam trầm (*basso*)... Đây là một loại âm nhạc có nguồn gốc từ Pythagore Giáo ở Hy

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

Lập cổ đại ⁽³⁾ và được phát triển trong lòng văn hóa châu Âu, nên người Việt Nam mình khi nghe từng bè (của một ca đoàn hợp xướng) hát riêng rẽ, thường có một cảm giác rất khó chịu: Sao mà mỗi bè đều hát dở theo một kiểu! Bè này thì eo éo, bè kia cứ ồm ồm, bè nọ lại ngang phè; đó là chưa kể đến việc các bè phụ cứ hát như thể đối ngược dấu tiếng Việt – ví dụ, thay vì “văn hiển Tiên Rồng” lại hát thành “văn hiển tiền rồng” – nghe thật quá sức mâu thuẫn với bè chính!

Tuy nhiên, khi tất cả các bè này hợp xướng, tức là đồng loạt hát lên theo một sự điều khiển có kế hoạch, thì một phép lạ lập tức xuất hiện: Mọi mâu thuẫn ngổn ngang trước đây bỗng nhiên biến thành một sự bổ túc đồng điệu cho nhau, bè chính thổi linh hồn vào bè phụ, bè phụ tạo ra sức sống của bè chính, và tất cả những cái dở khác nhau trước đây cũng đồng loạt trở thành những cái hay trong việc tạo ra sức truyền cảm của bài hát vào tâm hồn thánh giả.

Phép lạ mà một bản hợp xướng có được – đơn giản thay! – chỉ nằm trong một chữ *Hòa*. Những điều mâu nhiệm của mùa xuân chỉ xuất hiện trong sự hòa hợp giữa xuân tâm và xuân cảnh. Sống được với sự hòa hợp ấy thì cuộc đời mỗi người chúng ta sẽ luôn luôn như lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh:

(3) Pythagoras (khoảng 570-495 trước Công Nguyên), triết gia Hy Lạp. Theo sử quan Cao Đài, Pythagore Giáo (*Pythagoreanism*) thuộc về Phật Đạo trong Nhị Kỳ Phổ Độ, cùng thời đại với Thích Ca Giáo ở Ấn Độ, Lão Giáo và Khổng Giáo ở Trung Quốc. [Ban Ấn Tổng chú thích]

*Có xuân, có cảnh, có tình
 Có tâm, có đạo trường sinh bảo tồn
 Xuân là đức của Chí Tôn
 Thường xuân vui với tâm hồn thiên nhiên.*⁽⁴⁾

2. XUÂN CẢNH

Ngàn hoa đua nở, muôn lộc đâm chồi, cảnh vật trở nên xinh tươi, cuộc đời bừng lên bao sức sống; dưới những nét vẽ vô hình của tình Tạo Hóa, xuân cảnh nơi thế gian này quả là những bức tranh tuyệt tác để con người thưởng ngoạn. Tuy vậy, Đức Chí Tôn đang cách tân⁽⁵⁾ những tập quán thưởng ngoạn cảnh xuân mà nhân loại đã có từ bao đời, để nhân loại biết đi tìm dáng vẻ tương lai của mùa xuân thánh đức. Thầy dạy:

“Đại khái, xuân đời cảnh vật có chi các con! Cảnh hoa chóng nở tươi xinh, các con nâng niu cành lá, vun tưới gốc cây, ngửi mùi thơm trong nhụy. Sao các con không vun tưới cội lành Đạo cả, nâng niu sang sửa chơn tâm cho thật tươi nhuận sáng suốt để rồi ngửi lấy đạo vị nhiệm mầu tự lòng con khai phát?”⁽⁶⁾

Có phải chăng đạo Cao Đài muốn “tôn giáo hóa” mùa xuân, muốn “tuyên truyền” một bầu không khí tu hành vào trong mọi sự việc bình thường của nhân thế?

Không phải đâu. Đạo Cao Đài đang dốc sức giải quyết

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ.

⁽⁵⁾ Cách tân 革新 = Canh tân 更新 = đổi mới (to renovate).

⁽⁶⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

một thảm kịch có thật của hành tinh này: Cả nhân loại chúng ta đang phải sống trong một mùa đông hạ nguơn lồng lộng gió sương – những động đất, sóng thần, bão lụt, hạn hán, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố... ngày càng tràn ngập trên khắp năm châu – và đạo Cao Đài đang đem đến cho nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng những nhận thức mới về đạo lý trường tồn của mùa xuân thánh đức.

Cuộc đời sẽ không bao giờ có hạnh phúc nếu nhân loại chỉ hài lòng với những niềm vui ngắn hạn, phát xuất từ những sự kiện bên ngoài; mọi cảnh xuân huy hoàng rồi cũng phải nhường chỗ cho những nắng hạ mưa thu giữa cuộc đời dâu bể. Bởi vậy, ta chẳng trách được những vần thơ xuân buồn bã của nhiều thi sĩ ngoài đời. Chẳng hạn:

*Mùa xuân hiện giữa ngàn mai,
Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du.⁽⁷⁾*

Trong nỗi buồn của hai câu lục bát này, dù Chúa Xuân có đến cùng với những cảnh vật xinh tươi, thì đó cũng chỉ là những nét đẹp vô thường. Thế nên Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác đề lời cảnh tỉnh:

*“Còn người hướng đạo phải thấy xa hơn, hiểu xa hơn.
Chớ nên chú trọng vào xuân cảnh mà phải chú trọng vào
cái xuân tâm, vì xuân cảnh là một thời tiết đổi thay trong
máy tuần hoàn của Tạo Vật. Xuân cảnh là tạm ngừng nghỉ
một mùa đông gió rét, để làm lại, sắp xếp lại cho tiết đầu
năm. Rồi cũng hết xuân, chuyển lần qua hạ, thu, đông, luân*

⁽⁷⁾ Thơ Bùi Giáng (1926-1998).

*chuyển xây vắn trong cái thiên luân, trong vòng lẩn quẩn.
Hết nhân rồi quả, hết quả rồi lại nhân. Hỏi người đời mấy
ai hưởng được một mùa xuân bất tận, mà tránh khỏi hạ về
thiên đốt, đông đến cắt thịt se da?”*⁽⁸⁾

Cũng may mắn làm sao, từ rất lâu đời, tổ tiên chúng ta đã biến mùa xuân ngoại cảnh của thiên nhiên thành mùa xuân văn hóa trong quốc hồn quốc túy của dân tộc. Người Việt ngày xưa rất chú trọng đến bầu không khí thiêng liêng của những thời khắc đầu năm, vì bầu không khí đậm đà màu sắc tâm linh này có thể đánh thức trong lòng con người những giá trị nhân bản. Nhờ vậy, phong vị Tết cổ truyền nằm ở bầu không khí đầm ấm, thân thuộc trong gia đình, dòng tộc, thôn làng, chứ không đơn thuần là những vui chơi hời hợt bên ngoài.

Tuy nhiên, phải chỉ chúng ta có dịp ăn một cái Tết ở những thời Lý Trần hay ở một thời đại mà Tam Giáo còn hưng thịnh trong xã hội Việt Nam để cảm nhận cái xuân cảnh mang thực chất của xuân tâm đậm đà hồn Việt, chứ trong gần một trăm năm trở lại đây, phong vị Tết truyền thống của dân tộc cũng đã dần dần bị phai pha theo sự lãng quên những giá trị đạo lý cổ truyền. Văn học sử Việt Nam còn ghi lại hình ảnh cụ đồ Nho bị mờ nhạt dần qua những cái Tết miền Bắc từ thời tiền chiến, với bài thơ *Ông Đồ* của thi sĩ Vũ Đình Liên (1913-1996):

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già*

⁽⁸⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

*Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

(...)

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay...*

Sự quên lãng mà người miền Bắc dành cho ông đồ già ngồi bên hè phố trong những phiên chợ Tết ở đầu thế kỷ 20 cũng là một sự báo động xót xa về sự quên lãng mà xã hội Việt Nam hiện đại không chỉ dành cho Nho Giáo mà còn cho cả những giá trị văn hóa tinh thần và những phẩm chất đạo đức cổ truyền trong đời sống của mình.

Hậu quả là, người Việt Nam mình dần dần có khuynh hướng vật chất hóa mùa xuân, phàm tục hóa ngày Tết. Người ta chi tiêu nhiều tiền bạc cho việc ăn uống và hưởng thụ trong mấy ngày Tết, tạo ra những dư thừa ẩm thực quá mức cần thiết trong những ngày đầu năm để... lấy hên; trong khi đó, những giá trị đạo lý và văn hóa căn bản của ngày Tết lại bị xao lãng. Việc thưởng xuân và ăn Tết rõ ràng đã bị... “thất chơn truyền”, vì sa đà vào xuân cảnh, không phải thứ xuân cảnh thanh tú của thiên nhiên mà là một thứ xuân cảnh trần tục nặng nề do con người tạo nên trong sự hám vọng tiêu thụ vật chất của chính mình. Mùa xuân cũng không còn vẹn toàn những dáng vẻ thiêng liêng, mà bị chìm vào những tuồng đời ảm lạnh, vui buồn trong cõi vô thường giả tạm này.

3. XUÂN TÂM

Đằng sau những nét tung bừng rực rỡ của xuân cảnh, chúng ta luôn luôn có thể nhìn thấy xuân tâm của vạn vật và nhân loại, tuy mang những đường nét khác biệt với xuân cảnh, nhưng cũng huy hoàng không kém gì xuân cảnh, nếu không nói là còn hơn cả; bởi vì chính xuân tâm là sức sống thật sự của xuân cảnh.

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

“Thu mãn, đông tàn, xuân lại đến. Cứ như thế, như nguyệt âm dương xoay vần theo bánh xe luân, vạn vật đồng luân chuyển quanh theo vòng định luật. Cứ mỗi độ xuân về, cỏ cây đã cởi bỏ lớp lá vàng rơi rụng, mang lên một màu tươi nhuận thắm xanh. Cỏ cây hoa quả tuy rằng là vật vô tri vô giác, nhưng tiềm năng linh ứng Tạo Hóa đã ban cũng chuyển mình trong tiềm thức đón lấy tiết xuân sang để hòa đồng cùng vạn vật.

Mỗi một mùa xuân là mỗi vật đều chuyển mình theo luật tiến hóa từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ một trẻ hài nhi thơ ngây mộc mạc, trí hiểu biết đã trưởng thành dần theo cơ thể đang tiến, người già cao niên lần hồi sức khỏe giảm bớt để trở về trong quá khứ của lứa tuổi sơ sinh để nhường lại cho mùa xuân đang lên của tuổi trẻ.

Luật sinh trưởng thâm tàng không chờ đón một riêng ai, lẽ vô tư của đất trời không dành riêng cho một sinh vật nào. Mỗi độ đông tàn xuân đến là con người đã mang một thể xác vi nhơn, chứa đựng những tâm tư thâm kín, một khối óc tinh khôn, sự hiểu biết phải trái, dở hay, chánh tà

cùng khôn dại. Dầu cho từ hạng cùng đinh dân thứ đến hạng trí sĩ đạo đức uyên thâm, dầu muốn dầu không, tâm tư cũng dao động với tiết xuân về. Người vinh hoa phú túc vật chất thừa thừa đòi thụ hưởng đành rồi, nhưng đối với hạng cơ bản thiếu thốn, sớm có chiều không, dầu lòng có muốn quên đi hoặc phôi pha cho mau qua những ngày xuân đến, cũng cảm thấy nơi tâm tư có những gì rộn rục.”
(9)

Sự nảy lộc đâm chồi ở cỏ cây là một biểu hiện của xuân tâm trong tiềm thức của thực vật. Sự rộn rục khi xuân đến ở mỗi người là một biểu hiện của xuân tâm nơi con người. Nhưng, xuân đâu chỉ có thế. Đức Thánh Trần bảo:

*Xuân đến lòng trong khắp mọi người
Sang hèn thanh trược cũng vui tươi
Lẽ đâu xuân chỉ xuân chừng ấy
Mà nợ tang bồng quên đầy thôi.*⁽¹⁰⁾

Người, cùng với Trời và Đất, là ba ngôi của vũ trụ mà đạo học phương Đông gọi là Tam Tài. Trong trời đất thì có Đạo, trong con người thì có Tâm. Cái Tâm này vốn là mùa xuân bất diệt, trường tồn trong con người, và sứ mạng của mỗi chúng ta là gieo rải những hạt giống bất diệt trường tồn ấy vào thế hạ. Đức Chí Tôn dạy:

*Là một trong tam tài định vị
Là muôn trong một lý nhứt nguyên
Con ôi! Phú bẩm do Thiên*

⁽⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Giêng Canh Tuất (08-02-1970).

⁽¹⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Giêng Canh Tuất (08-02-1970).

Máy linh Tào Hóa ban truyền cho con.

Có vũ trụ sông non gồm đủ

Có hình hài riêng thú kiền khôn

Có xuân bất diệt trường tồn

Cho vào thế hạ chiêu hồn vạn sanh.

Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ

Một ra đi, một trở lại Thầy

Dù cho nam bắc, đông tây

Cổ kim nhơn vật do Thầy định phân.⁽¹¹⁾

Vì con người đã bị lục đục thất tình bao phủ từ lâu đời nhiều kiếp – bởi luân chuyển qua nhiều vòng luân hồi – nên mùa xuân tâm này tự nó không hiển lộ, mà con người phải tìm lại, phải khôi phục, phải đánh thức nó trong lòng mình. Đức Chí Tôn dạy:

“Không cứ phải một mùa xuân cách hạ thu đông, hai mùa xuân hoặc trăm vạn mùa xuân phát sinh vào thời gian ngắn ngủi, mà mùa nào chỉ những mùa nào, các con vẫn trau luyện tâm mình được tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng, thì các con tự khắc đã gần gũi với Thầy rồi đó.

(...)

Như vậy, các con được sống trong mùa xuân miên viễn, không hạn định, không hủy bỏ theo thời gian. Ấy là xuân đạo đức. Ngày xuân năm nay, Thầy chỉ mong các con dọn sạch lòng mình để chào đón mùa xuân và phải nhớ là mùa

⁽¹¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

xuân đạo đức vĩnh cửu nghe các con.” ⁽¹²⁾

Như vậy, xuân tâm là trạng thái tâm hồn tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng... của chính bản thân mỗi người chúng ta. Mùa xuân tâm sẽ đến trong lòng ta, nếu chúng ta thay thế những trạng thái nội tâm thường tình của lục dục thất tình bằng những trạng thái xuân tâm đẹp đẽ này. Đức Chí Tôn dạy:

*Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên
Vui xuân vui với tâm điền
Tiết thời hòa dịu người yên vật lành.* ⁽¹³⁾

4. XUÂN THỜI THƠ ẤU

Chúng ta đã nhiều lần thấy được xuân cảnh trong những bức tranh xuân vạn sắc của thiên nhiên. Chúng ta cũng không ít lần thấy được xuân tâm trong trạng thái tâm hồn tươi nhuận, ấm áp, dịu hiền, không tham, sân, si của chính bản thân mình. Bây giờ, bản hợp xướng giữa hai mùa xuân này, chúng ta có thể chứng minh được sự hiện diện của nó ở đâu? Đức Diêu Trì Kim Mẫu hỏi chúng ta:

*Trời đất mình mình
Hoa cỏ xinh xinh
Non nước hữu tình
Tìm đâu khúc nhạc thanh bình*

⁽¹²⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

Cho nguyên nhân khỏi lộ trình phong ba? ⁽¹⁴⁾

Trong cuộc đời không lấy gì làm dài của mỗi con người, vào những ngày còn bé thơ, chúng ta đã từng sống trong khúc nhạc thanh bình tưởng chừng như bất tận đó. Và Đức Chí Tôn khơi lại khúc nhạc đó trong ký ức của chúng ta:

Con nhớ chẳng thời xuân thơ ấu

Một thời xuân hòa tấu thiên nhiên? ⁽¹⁵⁾

Khi mới chào đời, tâm tánh con người hãy còn thánh thiện hồn nhiên. Đạo học gọi trạng thái đó của tâm tánh là *xích tử chi tâm* (tâm của đứa trẻ sơ sinh còn đỏ hồng).⁽¹⁶⁾ Cái tâm xích tử này còn trong sáng, chưa bị nhuốm bụi trần, và cũng là cái tâm xuân được Trời phú bẩm, tạo nên mùa xuân tự nhiên trong cơ thể con người.

Suốt những năm tháng ấu thời, khi con người chưa bị lục đục thất tình của chính mình chi phối, chưa biết đến những âu lo, tạp niệm, chấp nhứt, cũng chưa biết tham, sân, si, thì con người cũng chưa bị bất kỳ một thứ khổ đau, phiền não hay oan trái nào ràng buộc, mà cứ vui sống thung dung tự tại trong thế giới hồn nhiên của trẻ thơ.

Đó là xuân tâm ở thời thơ ấu mà mỗi người trong chúng ta đều đã từng có. Xuân tâm ấy không bao giờ phản kháng

⁽¹⁴⁾ Hườn Cung Đàn, 29 rạng 01 Quý Mão (24-01-1963).

⁽¹⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

⁽¹⁶⁾ *Mạnh Tử, Ly Lôu Hạ*: Đại nhân giả, bất thất kỳ xích tử chi tâm dã. (Bậc đại nhân không đánh mất cái tâm mình hồn nhiên như tâm trẻ sơ sinh đỏ hồng.) 孟子，離婁下：大人者，不失其赤子之心也。 [Ban Ấn Tổng chú thích]

lại ngoại cảnh mà luôn biết hòa hợp với ngoại cảnh, nghĩa là biết tuân theo quy luật *Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong*.⁽¹⁷⁾

Nhờ sự hòa hợp này giữa tâm và cảnh, nên đối với trẻ con, mùa nào cũng đẹp như mùa xuân, ngày nào cũng vui như ngày Tết. Đó là một trạng thái kỳ diệu của đời sống, y hệt như điều mà Đức Chí Tôn mô tả:

*Riêng nhơn loại năng tri vốn sẵn
Một mùa xuân tất thắng huy hoàng
Sá chi hạ trưởng đông tàng
Cung trời ba sáu thanh nhàn thưởng xuân.*⁽¹⁸⁾

Mùa hạ thật nóng nực nhưng con nít vẫn sượng rơn nồ đùa giữa nắng trưa thời Ngọ, trong khi người lớn lại mệt mỏi thở than vì không khí ngột ngạt oi bức.

Mùa thu mưa bão dầm dề nhưng con nít vẫn khoan khoái tắm mưa từ giờ này qua giờ khác, trong khi người lớn lại rầu rĩ sụt sùi với những ho hen cảm cúm vì mắc một chút mưa dọc đường.

Mùa đông gió sương lạnh lẽo nhưng con nít vẫn hớn hờ vui chơi suốt những chiều tà lạnh cóng, mặc cho người lớn co ro với những áo ấm áo lạnh.

⁽¹⁷⁾ *Mạnh Tử, Ly Lâu Thượng*: Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong. 孟子，離婁上：順天者存，逆天者亡。 Thuận với Trời thì còn, trái với Trời thì mất. [Ban Ấn Tổng chú thích]

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

Rồi sang đến mùa xuân, cái mùa duy nhất mà người lớn có thể vui vẻ mặc dù cũng rồi bởi lo lắng giữa trăm thứ từ Tết gần đến Tết xa, thì dĩ nhiên đối với con nít, đó phải là mùa vui sướng nhất.

Dường như vào mùa nào người lớn cũng thấy có chuyện để mà khổ, trong khi con nít bao giờ cũng tự thấy vui sướng, những niềm vui sướng vô hạn giữa một căn khôn rỗng rang chứ chẳng phải vui vì một lý do vật chất nào, đến nỗi ai cũng có thể mạo muội viết lại câu nói lừng danh của Descartes cho thời thơ ấu của mình: *Tôi vui sướng, vậy tôi hiện hữu!* ⁽¹⁹⁾

Té ra cái tuổi ăn chưa no, lo chưa tới lại là cái thời *sá chi hạ trường, đông tàng; cung Trời ba sáu, thanh nhàn hưởng Xuân* của mỗi con người. Thế thì tại sao, khi lớn lên, con người lại không còn sống được với những trạng thái nội tâm đầy hạnh phúc này nữa? Đức Chí Tôn giải thích:

*Vì vật dục, quả nhân kết cấu
Bởi xa nguồn, lạc dấu quày chơn
Mưa thu nắng hạ bao lần
Kim thân lại hóa phàm thân đọa đày.* ⁽²⁰⁾

Vật dục – nghĩa là sự ham mê (*dục*) tất cả những gì thuộc về vật chất một cách trực tiếp hay gián tiếp (*vật*) – là nguyên nhân muôn thuở của tấn bi kịch này. Cái vật dục này trong lòng chúng ta nó đáng sợ làm sao, vì nó thường

⁽¹⁹⁾ Descartes (1596-1650) nói: Tôi suy tư, vậy là tôi hiện hữu. / *Je pense, donc je suis.*

⁽²⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

điều khiển chúng ta theo kiểu ném đá giấu tay, nên ta khó nhận ra được mặt mũi của nó.

Người đời ham tiền ham của, ta bảo đó là do vật dục sai khiến. Đúng rồi! Nhưng người đạo chấp nhứt một chữ, một câu trong lời nói của tha nhân, thì cũng là do vật dục sai khiến đó thôi. Vì sao vậy?

Các nhà ngôn ngữ học bảo: Lời nói là cái vô vật chất của tư tưởng. Khi ta chấp vào lời nói, tức là ta chấp vào cái vô vật chất này, ta bám lấy cái vô vật chất này, và hành vi này thật sự cũng là một hành vi ham muốn thuộc về vật chất, mà bằng ngôn ngữ bình dân hơn, người ta gọi là... ham cãi cọ.

Vậy thì, dù là ham tiền bạc hay là ham cãi cọ (chẳng hạn), tất cả đều là những cách hiện hình khác nhau của bóng ma vật dục. Bóng ma ấy dẫn dụ con người đi dần dần ra khỏi thế giới hồn nhiên thuần phác của xích tử chi tâm, lạc bước dần dần vào những rừng rậm mịt mù của nhân duyên quả nghiệp.

Cái thuở chào đời, tâm con người chưa bị vật dục sai khiến. Hồi tưởng lại tuổi ấu thơ, chúng ta hiểu được cội nguồn đạo lý của giai đoạn hạnh phúc nhất trong đời mình. Hạnh phúc đó phần nào hẳn do bản chất hồn nhiên thuần phác của xích tử chi tâm, nhưng phần quan trọng hơn chính là do khả năng hòa hợp của xích tử chi tâm với ngoại cảnh của trời đất.

Giữa hai yếu tố tâm và cảnh, phải có một sự hòa điệu thì mùa xuân mới thật sự xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta như một bản hợp xướng diệu kỳ. Còn ngược lại, thiếu

một trong hai thì mùa xuân vẫn cứ là mùa xuân của những ai xa lạ chứ chẳng thể nào là của chính bản thân ta.

Quả vậy, dù trong lòng chúng ta có tràn ngập xuân tâm với những tư tưởng ấm áp, hiền lành, mà cái xuân tâm ấy chưa hòa hợp nổi với xuân cảnh của thiên nhiên, thì có khi chỉ một làn gió Tết mát rượi đầu năm cũng khiến ta phải uống đến mấy ngày thuốc đủ loại – nào trụ sinh, ho, cảm, long đờm... – mà đã vậy thì còn gì là thưởng xuân với ăn Tết nữa!

Nghe qua những cái chuyện rắc rối này, nhiều người cứ tiếc hùi hụi: “Úi chu choa, uống cho cái tâm xích tử của tui quá, mà lỡ để mất rồi làm sau tui tìm lại đây?”

Ôi, may mắn thay cho những ai biết đặt câu hỏi đó giữa thời đại ân xá Kỳ Ba này. Chính tân pháp Cao Đài dạy con người cách thức khôi phục xích tử chi tâm, làm sống lại bản tâm hồn nhiên thánh thiện. Chẳng thế thì “*bác tiều phu già*” Đông Phương Lão Tổ đã không nói về sự nghiệp đạo đức trong sứ mạng vô vi của Ngài tại trời Nam như vậy:

*Tiều già vui vẽ cảnh vân tuyền
Đốn củi, dọn rừng, cắt nghiệp duyên
Đổi chút gạo châu, nuôi xích tử
Gây dòng đạo đức chốn Nam thiên.*⁽²¹⁾

Sự nghiệp đạo đức này bắt nguồn từ một ý nghĩa sâu xa khác của mùa xuân: Đại ân xá Kỳ Ba giữa đời hạ nguơn mật pháp.

⁽²¹⁾ Thiên Lý Đàn, 23-12 Giáp Thìn (25-01-1965).

5. MÙA XUÂN CỦA ĐỜI MẠT PHÁP

Khi nói về lý đạo của mùa xuân, Đức Chí Tôn nhấn mạnh một ý nghĩa rất đặc biệt:

*Kỳ ân xá Thầy khai chánh pháp
Mở rộng đường thâm thập thiện duyên
Sông mê sẵn bát nhã thuyền
Không ngoan, cửa Thánh nhà Tiên trở về.*⁽²²⁾

Mùa xuân hiện diện ở chỗ nào trong mấy câu thơ này?

Chúng ta có thể tìm thấy lời giải đáp của Đức Chí Tôn trong một đàn cơ khác:

“Thầy mở cơ tận độ Kỳ Ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật.”⁽²³⁾

Mùa xuân của đời mạt pháp chính là chiếc bát nhã thuyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Thầy đã neo sẵn trên bến sông mê đón chờ vạn linh đưa trở về bờ giác. Thế nên, Đức Giáo Tông Đại Đạo khuyên các nguyên nhân trên đường Thiên Đạo phải phát huy cho được mùa xuân này để tự độ và độ tha:

*Non linh đất Thánh trời xuân
Đường trần bao dấu chơn quân lạc loài
Lộc Trời đã giữ trong tay
Đạo Trời vun quén ngày ngày cho xinh
Vui say non nước hữu tình*

⁽²²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

⁽²³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

Đơn phòng bạn lữ vân trình vào ra
Ngoài ta nào có cái ta
Vẽ chi thế sự trần la buộc ràng
Bến đời thuyền khách dọc ngang
Biển trần sóng gió phủ phàng ngược xuôi
Trí nhọn biết đạo biết mùi
Há hoài công của như người phạm phu.^{(24) (25)}

⁽²⁴⁾ Minh Đức Tu Viện, 25-01 Giáp Dần (16-02-1974).

⁽²⁵⁾ *Đơn* (đơn) phòng 丹房 là phòng (buồng) riêng để ngồi tu tịnh (tu thiền). Đạo Lão gọi tu thiền là “luyện đơn nấu thuốc”; âm dương và ngũ hành trong cơ thể là được liệu sẵn có (*nội dược* 內藥) để luyện thành kim đơn...

Lữ 侶 là bạn bè. *Bạn lữ* 伴侶 cũng là bạn bè.

Vân trình 雲程 là đường mây. Các vị Tiên cỡi mây mà đi; đường đi của Tiên là đường mây.

Vẽ chi: Nào có đáng chi, chẳng đáng chi cả.

Thế sự 世事 là việc đời.

Trần la 塵羅 là lưới trần. Con người sống ở đời thường đam mê bốn thứ tửu khí sắc tài (rượu, ma túy, sex, tiền bạc), nên bị chúng sai khiến. Ngoài ra còn bị bốn thứ khổ là sanh lão bệnh tử ràng buộc, không ai thoát được (*trần la tứ khổ*). Cho nên cỡi trần được ví như tấm lưới bủa giăng, vây hãm và con người bị nhốt chặt trong đó. Ngoài ra trần gian còn được ví như nhà lao, nhà tù (*trần lao* 塵牢, *trần tù* 塵囚).

Câu 5-8: Diễn tả thú tiêu dao thoát tục của bậc Tiên Gia vui chơi với thiên nhiên xinh đẹp (*câu 5*), làm bạn với đạo pháp, tự do tự tại (*câu 6*), làm chủ lấy mình (*câu 7*); và được như thế rồi thì việc đời đâu có đáng chi (*vẽ chi thế sự*) để mà buộc ràng, trói trằng mình vào đó (*câu 8*).

Thuyền khách: Con người đến trần gian như người khách ghé

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một mùa xuân thiêng liêng bất diệt mà Thượng Đế mang đến cho toàn nhân loại giữa mùa đông của cơ tận diệt này. Chỉ nơi mùa xuân ấy, nhân loại mới có thể hy vọng vào tương lai, dân Việt mới có thể khai được Hội Niết Bàn cho vạn quốc.

Chính vì phải gầy dựng mùa xuân ấy, mà bao hàng Thiên sứ từ các thời kỳ phổ độ trước đây của Thượng Đế đã xuống thế trong Kỳ Ba để làm dân Việt, chia sẻ những nỗi niềm lịch sử của dân Việt, và khai đường cho sứ mạng lịch sử của dân Việt. Chư Tiên Khai Đại Đạo từng tâm sự:

*Một mùa xuân thiêng liêng bất diệt
Xuống cõi trần điểm tuyết non sông
Cỏ hoa chuốc lục khoe hồng
Người người góp mặt đẹp lòng cùng xuân.
Giữa cuộc đời hương xuân ngào ngạt
Riêng tình chẳng mảnh đất Giao Châu
Non non nước nước một màu
Ta trông ải Bắc, người sâu Nam quan.
Trước án thư mơ màng khỏi quyền*

qua và ở trọ một thời gian. Trần gian là sông mê bể khổ; thuyền khách tức là mảnh đời trôi nổi của kiếp người ở trọ.

Trí nhơn 智人: Người hiểu biết, khôn ngoan.

Há hoài công của: Lẽ đâu lại để uổng phí công lao và của cải. Công lao là những khó nhọc từ bao nhiêu kiếp trước mới được sinh làm người. *Của cải* là những vốn liếng thiêng liêng Trời phú bẩm cho con người để nhờ đó con người có thể tiến hóa lên hàng Thần Thánh, Tiên Phật. [Ban Ấn Tổng chú thích]

Vẳng bên tai những tiếng giao thừa
 Vòm trời lấm tấm sao thưa
 Gió xuân chợt thổi tình xưa lạnh lùng.
 Đốt trầm hương hâu nung nấu lại
 Nhắc bút thần họa dải đồng tâm
 Ý xuân bình dị thâm trầm
 Muôn loài đều hưởng xuân tâm rạng ngời.
 Xuân tâm ấy của Trời ban phát
 Không thời gian, truyền đạt mỗi người
 Đời ôi mấy kẻ khóc cười
 Dang tay nắm lấy thuyền từ ái tha
 Phận bé nhỏ đạo nhà nắm giữ
 Vai nặng oằn hai chữ nghĩa nhân
 Có Trời, có nước, có dân
 Dân nguy nước loạn xả thân giúp đời.⁽²⁶⁾

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác dạy:

“Có xuân tâm, con người mới giải thoát, vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tự đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật. Có xuân tâm mới có thể dẫn dắt dân tộc này ra khỏi cảnh tiêu trầm,⁽²⁷⁾ hướng dẫn nhân loại tránh khỏi nạn diệt vong. Cái xuân tâm ấy là Cao Đài Đại Đạo, mà dân tộc này đã được Thượng Đế bố ban. Cái của

⁽²⁶⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽²⁷⁾ Tiêu trầm 消沉: Suy tàn (decline). [Ban Ấn Tổng chủ thích]

quý vô giá đó chỉ chờ nơi lòng xuân của người đời làm cho nó sáng lên, giống cho nó vang lên, bày cho nó tỏ rạng lên.”⁽²⁸⁾

Sự hiện diện của đạo Cao Đài trên thế gian đặt vào tay con người một lựa chọn giữa hai lối rẽ tại ngã ba đường của lịch sử:

- *Lối rẽ thứ nhất* là con người phải thấp sáng ánh đạo đức trên cõi trần này để biến mùa đông hạ nguồn mặt kiếp thành mùa xuân thượng nguồn thánh đức.

- *Lối rẽ thứ hai* là con người sống theo vật dục để chứng kiến sự hoành hành của những nghiệp chương do chính mình tạo ra, đẩy nhân loại đến hố sâu tận diệt.

Đức Cao Triều Phát dạy:

“Đông tàn, xuân đến. Mấy mùa đông, mấy mùa xuân, đạo đức không tạo được thể nhân hòa, không bình phục được nham tâm. Loài người không nhìn nhận, không thực hiện đạo đức chánh đạo. Tôn giáo chỉ là tôn giáo. Hỗn độn vẫn là hỗn độn. Nhân loại sẽ theo đông mà tàn, cơ tận diệt sẽ theo xuân mà đến. Đó là lẽ dĩ nhiên trong nhận xét của mọi người.”⁽²⁹⁾

Trên lối rẽ thứ hai, *nhân loại sẽ theo đông mà tàn, cơ tận diệt sẽ theo xuân mà đến*; chúng ta nhìn thấy những mùa xuân cảnh rừng rợn của cơ tận diệt. Vậy thì người Cao Đài dứt khoát phải đưa nhân loại sang lối rẽ thứ nhất. Phải

⁽²⁸⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

⁽²⁹⁾ Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

đánh thức xuân tâm trong nhân loại, phải làm cho nó sáng lên, giống cho nó vang lên, bày cho nó tỏ rạng lên như chí hướng của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn.

Bởi vậy, người đạo Cao Đài nếu chưa có đại chí cứu thế thì ít ra cũng phải có tinh thần phụng sự nhân sanh. Những tâm chí, tinh thần như vậy sẽ khởi phát và duy trì mùa xuân nội tâm nơi mọi người, chẳng những có thể thưởng xuân mà còn giúp mình có đủ sức mạnh thực hiện sứ mạng phụng Thiên sự dân.

Chúng ta có thể đọc thấy những điều này từ một lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Xuân là Đạo vận hành biến dịch trong thể dinh hư tiêu tức, còn Đạo vô vi thì huyền nhiệm trường lưu. Con muốn thưởng xuân phải có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện. Tâm xuân có phát hiện thì thể cuộc dầu có đổi thay phiên nảo, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân.” ⁽³⁰⁾

Muốn làm việc đó, ta hãy làm giàu cho tâm hồn của chính mình bằng xuân tâm; làm cho tấm lòng mình tràn ngập những làn gió tươi mát của khoan dung, những tia nắng ấm áp của tình thương, những đường nét dịu hiền của từ hòa.

Một khi lòng chúng ta đã đầy ắp xuân tâm, tự nhiên chúng ta sẽ có nhu cầu trao tặng mùa xuân ấy một cách ân cần và hào phóng cho mọi người chung quanh, dù người ấy

⁽³⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 rạng 01-01 Bính Thìn.

là ai, bạn hay thù, thân hay sơ. Và cách làm này thật sự rất giống cách làm của Thượng Đế khi Ngài ân cần và hào phóng đem mùa xuân đến trao tặng cho cả vạn linh trên trái đất này:

“Mặc dầu thời cuộc tang thương, thế trần biến đổi, Thầy cũng dành riêng một mùa xuân ấm áp với vẻ đẹp thiên nhiên, để bù sót lại những lúc đông tàn giá rét, nắng hạ đốt thiêu, mưa thu âm đạm. Thầy đến với các con một mùa xuân mới. Các con hãy vui vẻ thưởng xuân, đem Đạo Thầy truyền bá khắp nơi, đem hột giống lành gieo rải lan tràn và đem ân lành phổ cập cho tất cả con cái của Thầy, cho chúng hiểu được lý Đạo, trở về nguyên lý hiệp nhứt cùng Thầy, hầu tái lập cõi đời thượng ngươn thánh đức.”
(31)

6. THƯỞNG THỨC ĐẠO VỊ CỦA MÙA XUÂN

Là khởi đầu của một năm mới trong cõi vô thường, mùa xuân mang đến cho chúng ta những cảm thức rõ rệt về thời gian, và từ đó, cảm thức về sự vô thường, nhất là những ai đã mỗi một vì sự chông chênh nặng nề những tuổi đời trên xác thân tứ đại của mình.

Đối với người tín đồ Đại Đạo, những cảm thức về thời gian và sự vô thường nhắc chúng ta tự kiểm điểm lại thân tâm của mình sau một năm sống đạo và hành đạo trong cõi đời.

Đức Chí Tôn dạy:

(31) Thiên Lý Đàn, 29-12 Ất Tỵ (20-01-1966).

“Mùa xuân, một mùa lặp lại công cuộc sanh trưởng thâm tàng. Các con hãy nghĩ lại cái gì nên bỏ và những gì nên đem theo cho cuộc hành trình sắp đến để bước đường trọn vẹn những tiến bộ và trong sạch.” ⁽³²⁾

Chính sự kiểm điểm thân tâm này khiến chúng ta thường thức được đạo vị của mùa xuân. Điều này thật đáng ngạc nhiên: Tại sao sự tự kiểm lại có tác dụng thường xuân?

Đức Đông Phương Chương Quân giảng giải:

“Ý nghĩa chân thật của hai tiếng thường xuân phải ngấm ngấm bộc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa.

Còn thường xuân trên phương diện hình thức vật chất chỉ tạm cho người thế gian mà thôi. Vì thường xuân về vật chất có nhiều khía cạnh, nhưng sau đó thì mệt mỏi uể oải từ thể chất đến tinh thần. Đó là chưa nói đến hậu quả của sự buồn lo, sợ sệt, oán thù theo sau một cơn quá độ.

Còn thường xuân trong vòng đạo lý là kiểm điểm, ôn cố phần đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với lòng bác ái vị tha trên phương diện Tam Công, lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gói đất màn sương. Với tinh thần hân hoan ngấm ngấm và bộc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc, bánh mứt thô sơ, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hy vọng, tràn đầy đức tin ở phần hộ trì của các Đấng.” ⁽³³⁾

⁽³²⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

⁽³³⁾ Thiên Lý Đàn, 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969).

Nhờ việc kiểm điểm thân tâm sau một năm hành đạo và nhất là thấy được sự tiến bộ của bản thân, xuân tâm của ta bộc phát những hòa điệu với xuân cảnh. Quả thật, niềm vui có ý nghĩa nhất trong một mùa xuân là vui vì thấy được những thành quả vĩnh cửu mà tâm linh của mình đã gặt hái được trong cõi đời giả tạm. Chỉ khi đó, dòng chảy của thời gian mới không tạo nên những tiếc nuối về một kiếp làm người. Ôn Trên dạy:

*Đông tàn cảnh ướm trở nên xuân
Xuân nở vườn mai há mấy lần
Lần lựa cho đồ xa bến Thánh
Thánh tâm mấy kẻ vẹn trau thân?* ⁽³⁴⁾

Bốn câu thánh thi này nói gì? Chúng ta có thể mượn lời Đức Mẹ để giải thích:

“Con ôi! Mỗi độ Xuân về, lòng Mẹ như băng khuâng lo ngại. Xuân về, xuân lại đi. Con rước lấy của xuân thêm một tuổi đời chồng chất và sắp vượt qua khoảng thời gian trên đường thiên luân trong cõi tạm. Mẹ ngại rằng các con có biết thời gian ấy là quý báu không, để chú trọng đến thời gian qua không bao giờ trở lại? Nếu các con không kịp ghi vào lịch sử đời hoặc đạo một điểm son nào, thì cũng chỉ là triền miên sanh trưởng thâu tàng theo định luật của mọi loài trong vạn vật.” ⁽³⁵⁾

Trong cuộc đời của mỗi người chúng ta, thật không có ai

⁽³⁴⁾ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, phần Thi Văn Dạy Đạo, bản in 1970, tr. 126.

⁽³⁵⁾ Thánh thất Tân Định, 06-01 Bính Ngũ (26-01-1966).

dám nói rằng mình sẽ nhìn thấy mùa xuân đến được mấy lần mà chần chừ trong việc trau sửa thân tâm. Con đồ cứu độ cũng không thể cấm sào đợi chờ mãi mãi – vì đợi chờ mãi mãi có nghĩa là không cứu độ được một ai cả – mà phải rời bến mê trở về bờ giác theo đúng ngày giờ của cơ Trời máy Tạo.

7. VÀI DÒNG TẠM KẾT

Nếu lắng nghe được những hòa điệu giữa xuân tâm và xuân cảnh trong lòng ta, hoặc nhớ lại được bản hợp xướng ấy của thời thơ ấu, ta thấy có biết bao lý đạo siêu màu giúp chúng ta gìn giữ tâm linh của mình được điều hòa, thanh tịnh, và nhờ đó, bảo tồn được bản vị cao quý của con người. Ta đã bỏ quên xích tử chi tâm của mình trong sự đi qua của thời thơ ấu, đánh mất cả bản hợp xướng mùa xuân trong những chiều sâu của tâm thức. Có ai giúp cho ta tìm lại bản hợp xướng giữa xuân cảnh với xuân tâm? Chỉ có Đức Chí Tôn Thượng Đế. Và giờ đây, với tân pháp Cao Đài mà Thượng Đế mang đến trong lần cứu độ thứ ba này, chúng ta đang có trong tay bức đồ thơ để tìm lại những giai điệu xuân màu nhiệm ấy.

*Bài nói chuyện tại
Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
15-12 Bình Tuất (14-01-2006)*

NIỀM VUI THEO QUAN NIỆM ĐẠO CAO ĐÀI

Vui là một trạng thái tình cảm mà trong đó con người đạt được sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn của mình. Trong tiếng Việt chúng ta, chữ *niềm* trong cụm từ *niềm vui* được dùng để nhấn mạnh rằng trạng thái tình cảm này là một trạng thái của nội tâm hơn là trạng thái của ngoại cảnh; người Việt mình hiểu rằng, trên thực tế, không bao giờ tồn tại những cảnh vật vui tươi đối với một người đang buồn, mà cũng không có chuyện gì thật sự đáng buồn đối với một người đang vui. Như vậy, niềm vui là một trạng thái nội tâm thể hiện sự hài lòng do thỏa mãn ước muốn; và bản chất của niềm vui phụ thuộc vào bản chất của ước muốn.

Quán xét những kinh nghiệm nơi bản thân và nơi tha nhân, chúng ta thấy rằng mọi niềm vui của con người ở thế gian này có thể được phân thành hai loại cơ bản: một loại giúp con người nâng cao giá trị của mình, còn một loại lại làm cho phẩm giá của con người bị hạ thấp. Nếu sử dụng ngôn từ theo phong cách Cao Đài, loại thứ nhất là *niềm vui đúng đạo lý*, và loại thứ hai là *niềm vui trái đạo lý*.

Trong niềm vui đúng đạo lý, con người càng đạt được sự hài lòng bao nhiêu thì càng thánh hóa được bản thân và tha nhân bấy nhiêu. Ngược lại, với niềm vui trái đạo lý, con người càng thỏa mãn thì càng trở nên vô minh, mê

muội, và do đó càng dễ làm lỗi. Thế nên, niềm vui đúng đạo lý là loại niềm vui mà mỗi cá nhân cần tạo ra, nuôi dưỡng, và phát triển nơi bản thân cũng như tha nhân; còn niềm vui trái đạo lý là cái mà tất cả chúng ta phải phòng ngừa và xa lánh.

1. NIỀM VUI ĐÚNG ĐẠO LÝ

Nói đến đạo lý là nói đến cả ba giá trị: chân, thiện, mỹ. Thuộc về đạo lý phải là những gì vừa đúng đắn (*chân*), vừa tốt lành (*thiện*), vừa đẹp đẽ (*mỹ*). Đây cũng là ba giá trị nhân bản, nghĩa là ba giá trị căn bản của nhân loại tính, mà mọi người từ tặn trong tiềm thức của mình đều khát khao hoặc ngưỡng vọng.

Bởi vậy, trong sự vươn đến chân, thiện, mỹ, một bước tiến bé nhỏ cũng có thể đem đến cho con người sự hài lòng to lớn. Điều này giải thích tại sao bất cứ con người nào trên cõi đời này cũng tìm thấy những niềm vui tuyệt diệu khi nắm bắt được một vài tia sáng của chân lý, trải nghiệm được một vài ý tưởng thánh thiện, hay thực hiện được một vài hành động đẹp đẽ. Chúng ta hãy xét mấy ví dụ.

Thứ nhất là niềm vui do trải nghiệm cái đúng đắn (*chân*).

Khi còn là học sinh, nhiều người trong chúng ta đã trải nghiệm được niềm vui khó tả khi giải được một bài toán hóc búa. Lớn lên, bước vào đời, mỗi lần phát huy trí tuệ và giải quyết thành công những bài toán trong bốn phạm làm người, niềm vui tương tự lại xuất hiện. Các nhà tư tưởng trên thế giới vẫn trải nghiệm được niềm vui đó mỗi khi

khám phá ra được một sự thật còn đang được ẩn giấu trong tự nhiên hay xã hội. Còn với những người có đức tin tôn giáo, mỗi khi chứng nghiệm được một sức mạnh của tâm linh, một điều kỳ diệu của đức tin hoặc nhận thức được một nội dung giáo lý cao siêu, đều thấy cả trí tuệ lẫn tâm linh mình phần khởi lạ thường. Đó là những trải nghiệm hồn nhiên và có ý nghĩa về niềm vui dưới ánh sáng chân lý.

Thứ hai, niềm vui do trải nghiệm cái tốt lành (*thiện*).

Mỗi khi chúng ta làm được một việc thiện, giúp ích cho thế nhân, lòng chúng ta thấy vui sướng nhẹ nhàng. Chúng ta hãy thử xem điều gì sẽ xảy ra nếu mình mở rộng phạm vi giúp ích? Chẳng hạn, ban đầu là việc giúp cho những người nghèo đói bệnh tật có được cơm áo thuốc men, dần dần tiến đến việc cảm hóa những thành phần bất hảo trong xã hội trở nên những người có ích cho xã hội. Càng mở rộng phạm vi giúp ích, việc thiện càng trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi chúng ta phải quên mình nhiều hơn, hy sinh cho tha nhân nhiều hơn; nhưng chính vì vậy, tác dụng của sự giúp ích sẽ sâu rộng hơn, số người hưởng được sự giúp ích cũng nhiều hơn, và niềm vui của chúng ta cũng gia tăng thêm. Như vậy, niềm vui của sự thánh thiện càng to lớn khi chúng ta càng dẹp bỏ bản ngã riêng tư của mình và hy sinh cho hạnh phúc của đại chúng.

Thứ ba, niềm vui do trải nghiệm cái đẹp đẽ (*mỹ*).

Chúng ta tìm thấy niềm vui này khi chúng ta hạ mình để đem những vinh quang đến cho tha nhân trong ánh sáng của đạo đức, hoặc khi chúng ta thương yêu những người oán ghét chúng ta, lấy tình thương đền đáp lại sự thù hận.

Đây là sự trải nghiệm cái thẩm mỹ, cái trác tuyệt trong nhân cách, và rõ ràng, bất cứ ai cũng tràn ngập hạnh phúc khi thấy được cái thẩm mỹ, cái trác tuyệt đó xuất hiện trong nhân cách của chính mình.

Đó là một số ví dụ về niềm vui đúng đạo lý, do sự trải nghiệm chân, thiện, mỹ. Trên thực tế, cả ba giá trị chân, thiện, mỹ thường xuất hiện đồng thời. Chẳng hạn, việc đem yêu thương báo đáp sự thù hận chẳng những là một lối hành xử tuyệt đẹp, mà còn là một việc làm hết sức tốt lành, hết sức đúng đắn.

Mọi niềm vui đúng đạo lý đều có bản chất sâu xa là sự an lạc. Chữ *an lạc* ở đây có nghĩa là *vui, vì đạt được sự bình yên trong tâm hồn*. Sự bình yên này không thể do một tác nhân ngoại tại nào đem đến, mà chỉ có thể do chúng ta chủ động tạo ra bằng cách tự giữ cho nội tâm của mình thanh tịnh trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. Người thanh tịnh sẽ không để cho mình bị xao động, và dĩ nhiên, không để cho mình bị kích động vì những tác động khác nhau của ngoại giới. Một người như vậy càng gặp những thử thách qua những nghịch cảnh càng cảm nhận được những niềm vui thánh khiết, vì những cái khắc nghiệt ấy của cuộc đời là cơ hội để trui rèn và gia tăng những giá trị nhân bản trong con người mình.

Mục đích của đạo Cao Đài là *thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát*. Diễn giải ra, mục đích ấy có nghĩa là vừa đưa toàn nhân loại đến thế giới đại đồng, vừa đưa từng cá nhân trở về cõi thiêng liêng hằng sống mà Ki Tô Giáo gọi là Nước Trời và Phật Giáo gọi là Niết Bàn. Trong cả phạm

vi cá nhân lẫn phạm vi xã hội, sự an lạc đều đóng một vai trò quan trọng.

Ở phạm vi cá nhân, sự an lạc là một động lực tích cực trong việc giải thoát tâm hồn ra khỏi những dục vọng tầm thường. Những dục vọng này, tự chúng không hề tồn tại trong bản thể của con người. Chúng chẳng phải là cái gì khác hơn những trạng thái bị kích động của tâm hồn dưới tác động của ngoại cảnh. Nhưng nếu chúng cứ xuất hiện liên tục, cái này được sinh ra và rồi chồng chất lên cái khác, chúng sẽ trở thành những cơn bão ham muốn không giới hạn, ngăn cản không cho con người sống với bản thể của chính mình.

Thế nên, càng giữ cho tâm hồn được thanh tịnh, thì theo thời gian, những dục vọng càng suy thoái rồi tiêu vong. Một khi chúng đã tiêu vong, con người sẽ thấy được bản thể, và hơn nữa, sẽ thấy rằng bản thể ấy chính là Thượng Đế, là Phật trong tự tại. Vì sự an lạc chỉ có thể có nơi một tâm hồn thanh tịnh, nên sự an lạc là một động lực mạnh mẽ giúp cho tâm linh của con người tiến hóa, trở thành Phật và huyền đồng với Thượng Đế.

Ở phạm vi xã hội, sự an lạc là một trong những yếu tố giúp xây dựng các xã hội nhân hòa, nghĩa là những xã hội hòa bình. Trong phạm vi này, giáo lý Cao Đài chủ trương *“tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho nhân sanh.”*⁽¹⁾ Chỉ khi nào trật tự xã hội là một trật tự do sự an

⁽¹⁾ Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

lạc mà có thì mọi người mới thật sự hạnh phúc và xã hội mới thật sự trở thành xã hội an lạc.

Nhưng muốn có được xã hội an lạc, trước hết, phải có được những cá nhân an lạc. Những cá nhân ấy không phải là những con người cầu an, nhưng là những con người đã giải thoát được tâm hồn mình ra khỏi những dục vọng tầm thường và đạt được sự an lạc tự tại. Nhờ vậy, con người đó mới phát huy được lòng từ bi bác ái để dẫn thân vào những nghịch cảnh của cuộc đời, giải tỏa những khổ nạn của chúng sinh, trong khi vẫn duy trì và phát triển được sự thanh tịnh, sự bình an trong tâm hồn và thể xác của chính mình. Đây cũng là điều mà Thánh Phanxicô Átxidi (1181/1182-1226) đã viết:

“Những ai chịu đựng mọi gian khổ trên đời vì lòng yêu mến Chúa Giêsu Kitô, mà vẫn giữ được tâm hồn và thân xác bình an, họ mới thật là người xây dựng hòa bình.” ⁽²⁾

2. NIỀM VUI TRÁI ĐẠO LÝ

Những niềm vui trái đạo lý là những cái vui không phù hợp với ba giá trị căn bản của nhân loại tính. Đó là những cái vui không đúng đắn, chẳng tốt lành, mà cũng chẳng đẹp đẽ. Chúng không nằm trong bản thể chân như. Khi Thiên Chúa (Thượng Đế) tạo dựng con người, Ngài không tạo ra chúng. Thế thì chúng do đâu mà có?

⁽²⁾ Norbertô Nguyễn Văn Khanh, ofm., *Thánh Phanxicô Átxidi, Con Người Của Hòa Bình*.

<http://www.ofmvn.org/linh-dao/thanh-phanxico/1378-...>,
27-09-2013.

Theo giáo lý Cao Đài, trong cơ cấu của một con người mà Thiên Chúa (Thượng Đế) đã tạo dựng, có sáu cơ quan làm nền tảng tâm-sinh lý cho sự nhận thức. Sáu cơ quan đó được gọi là lục căn, bao gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý (nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, và ý). Đây là “*sáu cơ quan tổ trọng để tạo thành con người hiện hữu nơi thế gian*”.^(3a)

Tựa như những hệ thống radar, chúng thường ở vào tình trạng sẵn sàng thu nhận các tác nhân kích thích tương ứng của ngoại cảnh. Tình trạng sẵn sàng này của chúng tạo thành sáu loại ham muốn ở cả mức độ cảm giác và lẫn mức độ tri giác của con người. Sáu loại ham muốn ấy được gọi là lục dục, bao gồm: nhãn dục, nhĩ dục, tỵ dục, thiệt dục, thân dục và ý dục.

Nếu linh hồn biết làm chủ lục căn, sử dụng chúng vào những việc đúng đạo lý, thì lục dục sẽ trở thành sáu phép mầu nhiệm để thông thiên đạt địa (lục thông). Ngược lại, nếu linh hồn không làm chủ được lục căn, thì lục dục sẽ mù quáng thực hiện những điều sai đạo lý và trở thành “*sáu ngã đường tà vạy*”^(3b) làm cho con người phải sa đọa triền miên.

Mức độ và cường độ của sự thỏa mãn hoặc không thỏa mãn các loại dục vọng nói trên sẽ làm xuất hiện trong con người bảy trạng thái tình cảm khác nhau; đó là các trạng thái: mừng (*hỷ*), giận (*nộ*), buồn (*ai*), vui (*lạc*), thương (*ái*), ghét (*ố*), sợ (*cụ*).

^(3a,b) Đức Chí Tôn, “Đoạn Trừ Lục Dục”, *Tam Thừa Chơn Giáo*, quyển 2. Đàn ngày 08-11-1961.

Bảy trạng thái tình cảm này được gọi là thất tình. Chúng đều là những trạng thái bị kích thích của nội tâm, xuất hiện khi con người chịu những tác động từ ngoại cảnh mà không có sự chủ động an định nội tâm của linh hồn. Những trạng thái này chỉ là những trạng thái giả tạo và tạm thời; mỗi trạng thái trong số chúng sau khi xuất hiện chỉ có thể tồn tại một thời gian nào đó rồi chuyển hóa thành một trạng thái khác.

Niềm vui trái đạo lý chính là trạng thái vui trong bảy trạng thái tình cảm vừa nêu. Những niềm vui này phát sinh và tồn tại dựa vào lục dục, nên chúng chỉ là những hưng phấn giả tạm do sự thỏa mãn các ham muốn tâm-sinh lý trong bản năng vô thức của con người. Nếu nói một cách khác, qua ngôn ngữ tâm phân học của Sigmund Freud chẳng hạn, những niềm vui này bắt nguồn từ những “xung lực phát ra từ [những] tổ chức thể chất”^(4a) và là sự thỏa mãn những đòi hỏi thể chất trong tâm thần của con người.^(4b)

Nếu người ta vui vì *mắt* của họ được nhìn thấy những sắc đẹp giới tính, hay những sắc thái hoa lệ của sự giàu sang về vật chất... thì đó chỉ là cái vui của *nhãn dục*.

Nếu vui do *tai* được nghe những lời tâng bốc, ngợi khen, những lời thêu dệt, xiêm gièm... thì đó chỉ là cái vui của *nhĩ dục*.

Nếu vui do *mũi* được ngửi những mùi hương tạo nên sự

^(4a,b) D. Stafford-Clark, *Freud Đã Thực Sự Nói Gì?*. Lê Văn Luyện dịch. Hà Nội: Nxb Thế Giới, 2011, tr. 151, 154.

phần khích cho thể xác, đó chỉ cái vui của *tỵ dục*.

Nếu vui do *lười* được nếm những thức ăn ngon, đó chỉ là cái vui của *thiệt dục*.

Nếu vui do *thân* được thỏa mãn những ham muốn khác của xác thịt, đó chỉ là cái vui của *thân dục*.

Và nếu vui do *tư tưởng* được thỏa mãn những suy nghĩ cần quấy, phóng túng, sa đọa... đó chỉ là cái vui của *ý dục*.

Cái vui của ý dục là môi trường dung dưỡng những cái vui của mọi loại dục vọng khác. Đằng sau khả năng nhận thức sinh lý học của các cơ quan thể chất (ví dụ, cái thấy của đôi mắt sinh học, cái nghe của đôi tai sinh học...) còn có khả năng nhận thức tâm lý học của những bản năng vô thức tương ứng (ví dụ, cái thấy của bản năng vô thức, cái nghe của bản năng vô thức...).

Cái thấy, cái nghe... của bản năng được khơi dậy trong tâm thần thông qua hoạt động của các cơ quan thể chất và được nuôi dưỡng bằng ý dục. Những ham muốn do bản năng vô thức như vậy mới là phần đáng sợ nhất của lục dục.

Đối với những ham muốn do bản năng vô thức, con người không thể kiểm soát và chế ngự chúng bằng ý thức hay lý trí, nhưng phải bằng một quá trình tu tập lâu dài trong suốt cuộc đời mình.

Việc hướng dẫn cho con người cách thức tu tập hiệu quả, trên thế gian này, ngoài các tôn giáo ra, không ai có thể thực hiện thành công. Và đây cũng là một lý do giải thích vì sao nhân loại cần đến tôn giáo.

3. SỐNG VỚI NHỮNG NIỀM VUI HÀNG NGÀY

Niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, như vừa được trình bày bằng những ngôn từ của giáo lý Cao Đài, cũng đã được các tôn giáo trên thế giới đề cập với những cách thức có thể ít nhiều khác nhau nhưng nội dung về cơ bản thì tương đồng.

Trong Phật Giáo, có những kinh sách dùng chữ *an lạc* và *dục lạc* để chỉ hai loại niềm vui này.⁽⁵⁾

Trong Ki Tô Giáo, Thánh Thomas Aquinas (1225-1274) phân biệt cái *vui thực* và cái *vui giả*, cũng như cái *vui tốt* và cái *vui xấu*.^(6a)

Nơi những con người bình thường, mỗi niềm vui đều có thể thuộc một trong hai, hoặc cũng có thể là một tổ hợp nào đó giữa hai loại niềm vui trên đây. Việc nhận diện ra bản chất mỗi loại có ý nghĩa thiết thực trong việc tạo nên giá trị của bản thân. Điều này đòi hỏi con người phải rèn luyện thói quen theo dõi, kiểm soát, chế ngự và chọn lọc các trạng thái tâm lý của chính mình.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta có thể gặp những niềm vui mà dường như không thuộc loại nào trong hai loại kể trên. Vui vì tốt nghiệp được đại học, vui do mới tìm được việc làm, vui nhờ đi du lịch, vui bởi Tết sắp đến...

Thật ra, tính chất đúng đạo lý và trái đạo lý không nằm ở bản thân những sự kiện như tốt nghiệp đại học, tìm được

⁽⁵⁾ Pháp Nguyễn, *An Lạc Và Dục Lạc*,
http://chuahaiquang.com.vn/NewsDetails.aspx?_214=268.
 25-9-2013.

việc làm, du lịch hay Tết... mà nằm ở mức độ bình an của nội tâm, nghĩa là mức độ tự chủ lấy nội tâm, khi chúng ta trải qua sự kiện đó.

Ví dụ, nếu trong tâm hồn của người sinh viên, tốt nghiệp đại học là niềm vui do hoàn tất một bồn phận đối với gia đình, đánh dấu một bước tiến của bản thân, thì đó là niềm vui đúng đạo lý; bởi ở chỗ này, giống như đã được Thánh Thomas Aquinas định nghĩa, sự vui sướng là trạng thái an tĩnh của tâm hồn sau khi đã đạt được mục tiêu, tức là điều thiện.^(6b) Tuy nhiên, nếu người sinh viên xem việc tốt nghiệp đại học là cái vui trút bỏ vĩnh viễn những nhiệm vụ học hỏi, hoặc, trong một sự hào hứng bốc đồng khác, là cái vui dẫn đến việc nhậu nhẹt ăn mừng, rồi say sưa không làm chủ được bản thân, dẫn đến những tai nạn cho bản thân hoặc người khác, thì đó là cái vui trái đạo lý.

Để nhận diện được trong tâm hồn mình niềm vui đúng đạo lý và niềm vui trái đạo lý, cũng như, để ngăn ngừa cái thứ hai và phát triển cái thứ nhất, con người rất cần đến sự giúp đỡ của tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều có những phương thức thích hợp dành cho những đối tượng khác nhau.

Đạo Cao Đài có phương pháp Tam Công. Phương pháp này bao gồm: Công Quả, Công Trình và Công Phu.

Công Quả là làm những việc có ích cho tha nhân trong

(6a,b) Lm Giuse Phan Tấn Thành, op., *Thần Học Niềm Vui 03: Chứng Nhân Niềm Vui*,

<http://2010menchuayeunguoi.blogspot.com/2010/01/than-hoc-niem-vui-03-chung-nhan-niem.html>. 25-9-2013.

trình thần hiển dân, không nghĩ đến bản thân mình, cũng không vọng cầu bất kỳ hình thức tưởng thưởng nào kể cả những phần thưởng do Thượng Đế hay các Đấng thiêng liêng ban cho.

Đức Cao Triều Phát dạy:

“Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hạnh diện khi xả thân cho tha nhân.”⁽⁷⁾

Việc hy sinh cho tha nhân là một niềm vui mà trên đời không phải ai cũng có cái may mắn được trải nghiệm, mặc dù những cơ hội hy sinh như vậy xuất hiện mọi lúc mọi nơi. Và niềm vui này tự nó đã là một phần thưởng vô giá.

Công Trình là rèn luyện cá tính, trau dồi nhân cách và sửa đổi tác phong theo tiêu chuẩn chí chân, chí thiện, chí mỹ. Với sự trợ giúp của giới luật, Công Trình là cách thức chủ yếu để theo dõi, kiểm soát, chế ngự hoặc đào thải những niềm vui trái đạo lý. Nỗ lực căn bản của Công Trình là làm chủ lấy lục dục và thất tình, chuyển hóa chúng thành những sức mạnh đúng đạo lý của bản thân.

Công Phu là thiền định. Ở mức độ phổ thông, việc thiền định được thực hiện thông qua sự tập trung tư tưởng lúc đọc kinh, cầu nguyện trong các thời cúng, trong các buổi lễ, và trong nhiều sinh hoạt thường nhật khác (trước khi ăn cơm, trước khi đi ra đường, sau khi trở về, trước khi đi ngủ...). Ở các mức độ nâng cao và chuyên sâu, việc thiền định được thực hiện nhờ hệ thống các pháp môn thuộc phần nội giáo tâm truyền của đạo Cao Đài. Thiền định một

⁽⁷⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

mặt giúp con người thường xuyên giao cảm với các Đấng thiêng liêng, nhưng mặt khác quan trọng hơn, giúp con người rèn luyện sự thanh tịnh tự chủ trong nội tâm. Do đó, thiền định là giải pháp cho phép vừa diệt trừ mọi nguồn gốc phát sinh những niềm vui trái đạo lý, vừa xây đắp nền tảng vững bền cho sự an lạc nội tâm.

Như vậy, sống với những niềm vui hằng ngày, theo đạo Cao Đài, là *đạo lý hóa* bản chất của chúng, làm cho chúng trở thành những niềm vui chân, thiện, mỹ nếu như chúng chưa đạt được những giá trị căn bản ấy của nhân loại tính. Cách sống này, tự nó, cũng là một niềm vui đúng đạo lý, một niềm vui bất tận trong cuộc đời mỗi con người đang tìm lại bản thể chân như trong ơn cứu độ của Thượng Đế.

Khóa tịnh Thu Phân, Quý Tỵ (27-9-2013)

CÁC KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ẤN TỔNG

- ❑ Đại Giác Thánh Kinh và Kinh Thánh Giáo Pháp
- ❑ Đại Thừa Chơn Giáo
- ❑ Bảo Pháp Chơn Kinh
- ❑ Quan Âm Phổ Chiếu Pháp Bảo Tâm Kinh
- ❑ Khuyển Nữ Hồi Tâm
- ❑ Địa Mẫu Chơn Kinh
- ❑ Thuyết Đạo: Chữ Tâm, Tình Thương, Ngọc Kinh
- ❑ Thánh Giáo Sư Tập (1965-1971)
- ❑ Nữ Trung Tòng Phận
- ❑ Kinh Sám Hối
- ❑ Thánh ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát
- ❑ Ngọc Minh Kinh
- ❑ Giáo Đoàn Nữ Giới
- ❑ Tu Chơn Thiệp Quyết
- ❑ Thánh Đức Chuyển Mê
- ❑ Thánh Đức Chơn Kinh
- ❑ Thánh Đức Chơn Truyền Trung Đạo
- ❑ Bình Minh Đại Đạo
- ❑ Hồi Dương Nhơn Quả và Ngọc Lịch Minh Kinh
- ❑ Thất Chơn Nhơn Quả (Lâm Xương Quang dịch)
- ❑ Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển I)
- ❑ Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển II)
- ❑ Huấn Từ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế
- ❑ Đạo Pháp Bí Giải
- ❑ Tam Thừa Chơn Giáo
- ❑ Kinh Pháp Hoa
- ❑ Thiên Địa Bát Dương
- ❑ Tư Tưởng Đạo Gia (*Hàn Sinh tuyển, Lê Anh Minh dịch*)
- ❑ Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên
(*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- ❑ Bồi Dưỡng Đức Tin (*Ngọc Giáo hữu Bùi Văn Tâm*)
- ❑ Lòng Con Tin Đấng Cao Đài (*Huệ Khải*)
- ❑ Cơ Duyên và Tuổi Trẻ (*Phạm Văn Liêm*)

- ❑ Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài
(Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh)
- ❑ Tìm Hiểu Kinh Sám Hối (Thanh Căn – Huệ Khải)
- ❑ Tam Giáo Việt Nam – Tiền Đề Tư Tưởng
Mở Đạo Cao Đài (Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh)
- ❑ Có Một Tình Thương (Bạch Liên Hoa)
- ❑ Hương Quế Cho Đời (Phạm Văn Liêm)
- ❑ Đạo Nguyên Chánh Nghĩa (Vĩnh Nguyên Tự)
- ❑ Hành Trang Người Đạo Cao Đài (Diệu Nguyên)
- ❑ Ngài Minh Thiện: Cuộc Đời & Đạo Nghiệp
(Đại Cơ Huờn)
- ❑ Thất Chân Nhân Quả (Lê Anh Minh dịch và chú)
- ❑ Giải Mã Truyện Tây Du (Huệ Khải)
- ❑ Hành Trình Về Phương Đông (Nguyên Phong)
- ❑ Một Dòng Bát Nhã (Huệ Khải)
- ❑ Thiện Thư:
Cảm Ứng Thiên – Âm Chất Văn – Công Quả Cách
(Lê Anh Minh)
- ❑ Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên (Diệu Nguyên)
- ❑ Đọc Lại Thất Chân Nhân Quả (Huệ Khải)
- ❑ Chiến Thắng Vạn Quân Không Bằng Tự Chiến Thắng Mình
(Diệu Nguyên)
- ❑ An Thuận Quả Duyên (Diệu Nguyên)
- ❑ Vạn Hạnh Thiền Sư – Tôn Giáo Là Cái Gì?
- ❑ Tự Thấp Đuốc Mà Đi (Thiện Quang)
- ❑ Tìm Hiểu Ngũ Chi Đại Đạo (Thanh Căn)

Địa chỉ liên lạc:

THIỆN LÝ BỬU TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA

Tel: (408) 683-0674

www.thienlybuutoa.org

MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỔNG KINH SÁCH KHUYẾN THIỆN

- 1) Một là những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2) Hai là thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
- 3) Ba là vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu, oan trái của đời trước cũng như đời này.
- 4) Bốn là các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5) Năm là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6) Sáu là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y thực đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
- 7) Bảy là lời nói việc làm Trời, người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- 8) Tám là ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9) Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10) Mười là hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

CHUNG TAY CÔNG QUẢ PHÁP THÍ

Theo kinh *Tam Ngươn Giác Thế* (Chiếu Minh Đàn, Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, do Tiền bối Cao Triều Trực ấn tống), trong đàn cơ ngày 02-11 Tân Mùi (10-12-1931), đức **Thần oai Viễn trấn Quan Thánh Đế Quân** giảng dạy như sau (tr.36):

“Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sám mà khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành thánh.”

Trong đàn cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970, Đức **Giáo tông Đại đạo Thái Bạch Kim Tinh** dạy:

“Hơn một lần, Bần Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phúc đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nếu Quý vị phát tâm muốn công quả ấn tống kinh sách khuyến thiện (tại Hoa Kỳ được trừ thuế lợi tức cuối năm theo luật lệ hiện hành), chi phiếu xin đề **“Thiên Lý Bửu Tòa”** với ghi chú **“Kinh sách”** và gửi về:

THIÊN LÝ BỬU TÒA

12695 Sycamore Ave

San Martin, CA 95046. USA

Điện thoại: (408) 683-0674

THIỆN QUANG TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN
Vẽ bìa: LÊ ANH THƯ



Published by
www.tamgiaodongnguyen.com

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Địa chỉ liên lạc:
THIỆN LÝ BỬU TÒA
12695 SYCAMORE AVE
SAN MARTIN, CA 95046. USA
Tel: (408) 683-0674 • www.thienlybuutoa.org

Printed in the USA by
PAPYRUS (Chỉ Thảo)
1002 South 2nd St, San Jose, CA 95112
(408) 971-8843 • papyrusqt@yahoo.com